

PIERRE REY SOAN

BUT SỬ LƯỢC BIÊN

THIỆT TRUYỆN

A. JOYEUX, TRỢ HOA

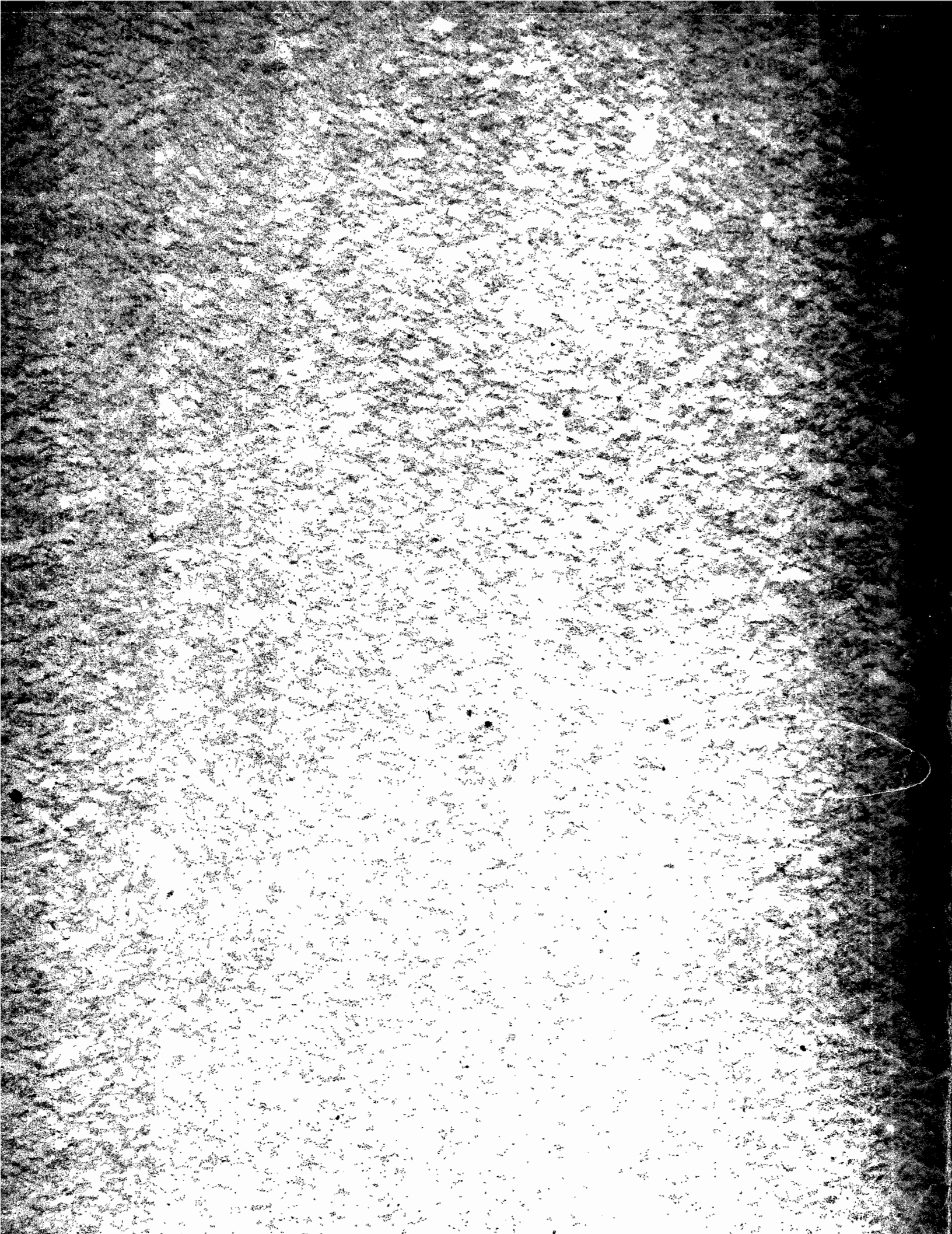
18 162
CABINET DES



0.5
281(3)

SAIGON
IMPRIMERIE TYPO-LITHO E.-H. SCHNEIDER

1919





CUỐN THỨ BA

THUẬT

Cách nào mà BỤT-NHƯ-LAI khi đoan làm cho

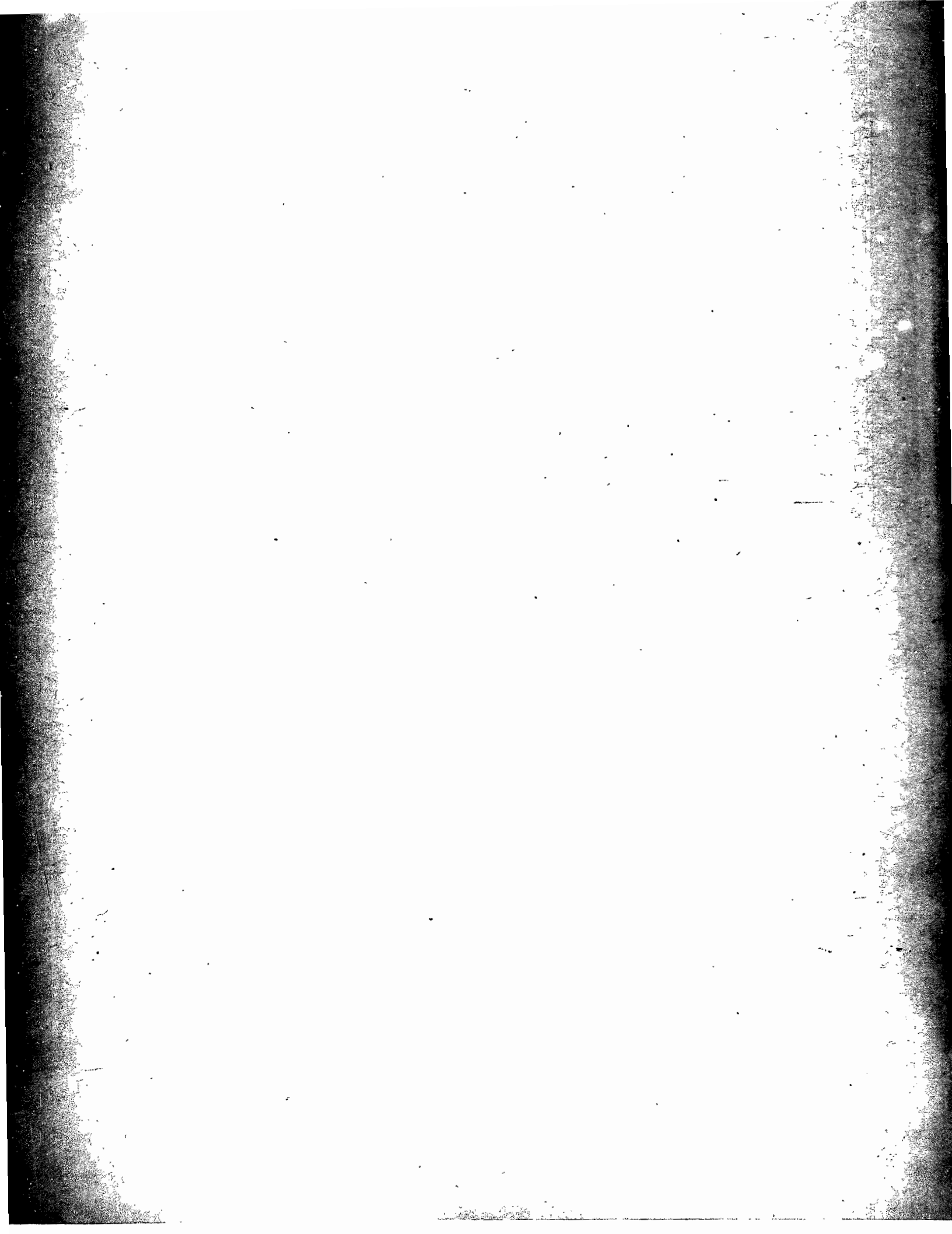
MÁY BỤT-PHÁP CỬ ĐỘNG

và

làm cách nào mà giảng truyền Chơn-Pháp



8° 0² 4
281





BAY ĐỀU TƯỚNG GÀM

Kể từ đây ta cứ xưng hô Bụt-Như-Lai mà thôi, vì ngài đã thành chánh-quả, không khà gọi Cù-đàm hoặc Thái-tử nữa. Văn Bụt-Như-Lai ở gần dưới gốc cây Bồ-đề đã đặng bảy lần bảy ngày (thất thất tứ-cửu là 49 ngày), mỗi tuần đổi chỗ một lần mà thôi, hằng tướng gắm việc rất chánh rất thật.

Trong cơn tướng gắm như thế thì ngài bỏ ăn bỏ uống, mà chẳng hề biết mệt nhọc bao giờ.

Đến đầu tuần thứ ba Ngài đi qua hướng Tây-bắc khỏi cây Bồ-đề mười ba sải, Ngài bèn gặp một cái đài là của chư Devas tạo lập cho Ngài; duy đài ấy cất bằng ngọc-thạch, chung-quanh có niền vàng ròng tế nhuyễn. Ngài bèn ngồi xếp bằng tại đó một tuần lễ mà suy tưởng đến việc cách-vật trí tri; khi đến ngày thứ bảy thì sáu hào-quan vinh diệu mà Ngài thuở nay chưa từng biết, bèn phát lộ nơi ngọc-thể Ngài, lúc ấy tri Ngài thừa ư phi đặng trong chốn chí-thiện muôn dăm vui vui.

Trên tóc Ngài có hào-quan màu xám xẹt ra, cặp mắt Ngài chiếu ánh màu vàng, còn huyết-mạch Ngài có hào-quan đỏ lộ ra từ hướng, răng Ngài xẹt ra đốm lửa trắng hơn màu bông huệ, thủ túc Ngài có chiếu ánh ngọc chói lòa, trên đầu Ngài là có một đạo hào quan màu-tím xung lên lòa sáng.

Yến sáng cùng hào-quan lạ lùng ấy làm cho trái-dất chói lòa dường thể một cục vàng, cục ngọc to, còn mặt biển thì chẳng khác nào như cần ngọc bích.

Yến sáng bởi qui thể Bụt-Như-Lai chiếu lên thấu các tầng tiên và tầng thần thánh, chiếu xuống thấu đến Âm-

ty và tuốc vào từng các Bụt-Tổ. Đó là oai nghi thần lực của Bụt-như-lai vô ngần bày tỏ ra cho thế-gian xem.

Trong khi Bụt-Như-Lai tuần thứ năm ngồi dưới gốc cây Naga cách xa cây Bồ-đề ba mươi sải thì có con gái của Mara là quỷ chúa đang đến cảm dỗ Ngài như vậy: *vẫn quỷ Mara sanh đặng ba nàng quỷ-dạ-xoa, nàng thứ nhứt tên là Tahna, nàng thứ nhì tên là Arati, nàng thứ ba tên là Raga. Khi quỷ chúa đang bị Bụt nhục mạ bèn trở về mà thuật lại cho ba con nghe rằng: vô kế khã thi đặng mà thắng được Thái-tử Sĩ-dạt-tha xưng mình là Bụt-Như-Lai, xin ba con phải trợ lực.* » Ba nàng quỷ-dạ-xoa bèn chịu mà thưa với quỷ cha rằng: *« chúng tôi vẫn là phụ-nhơn rõ nhiều kế mầu không ai cưỡng cự nổi, ba con sẽ phục được Thái-tử Sĩ-dạt-tha như bắt chim trong bẫy, vì bị cảm dỗ mà phải sa đắm. »*

Nói rồi đoạn ba nàng bèn sửa soạn đôi hình đặng thi hành diệu kế. Nàng thứ nhứt hóa ra một nàng trinh-nữ tốt tươi như bông huệ, yếu điệu và hữu duyên như nụ hoa, tinh khiết như tuyết thủy, vô tội như chim to, thơm tho như bình hương dâng trước bàn thờ trong ngày tế tề.

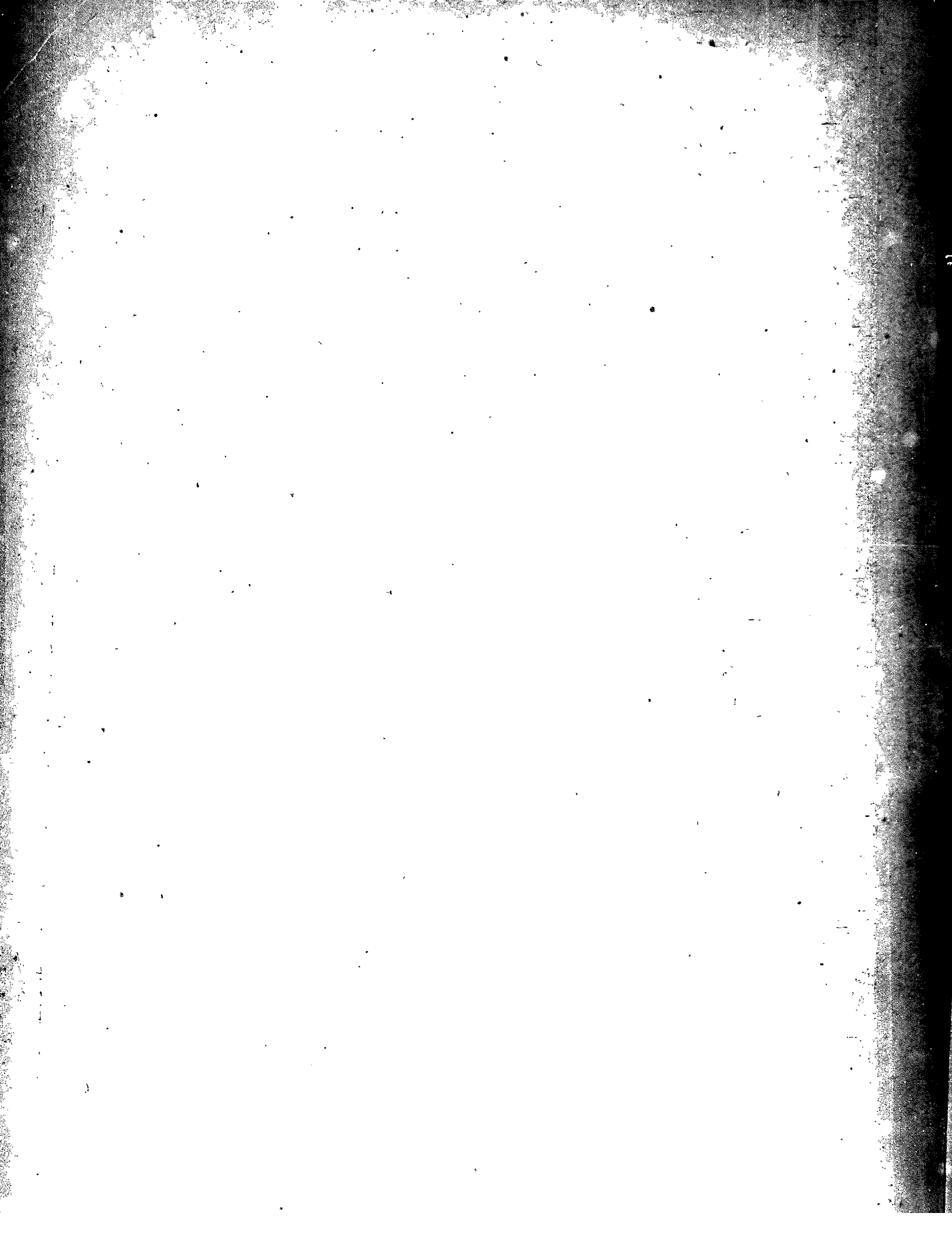
Nàng thứ hai hiện ra hình đờn bà đã nhàm việc đời, khôn lanh thạo việc và lại biết võ về dụ dỗ, tốt như sao hôm, nhiệt thành như lửa Địa-ngục.

Nàng thứ ba hiện hình ra đờn bà có tuổi mà lại thông thạo việc đời hơn nữa.

Cả ba đều đến gần Bụt-Như-Lai; khi Ngài thấy ba ã đến Ngài bèn thốt rằng: *« Vì việc chi vô lý mà bay phải đến đây, hạ phụ-nhơn kia? Trí hóa ta phi đặng cao xa làm sao sắc bầy trông làm cho nao loạn lòng ta được, chẳng phải đây là nơi dễ cho bầy trông cảm dỗ cho ta sa đắm mùi đời đâu. Thôi bây hãy đi về cho rảnh. »*



Khi ấy rắn thần (7 đầu) giữ hồ đến sê đầu ra làm lọng mà che cho Ngài khỏi mưa gió.



Ba nàng bèn hiểu rằng đứng chí-tôn mới nhằm lẽ, hồ thẹn chẳng cùng, mau mau lấy tay che mình lỏa lồ mà lui về nhà và hối hận vô hồi.

Trong bốn mươi chín ngày mà Bụt-Như-Lai ở gần lối cây Bồ-đề thì có xảy ra nhiều chuyện khác đáng nhớ. Đây ta xin nhắc lại hai chuyện cho thiện-nam tinh-nữ hết lòng nghi ngại.

Qua đầu tuần thứ sáu khi Bụt-Như-Lai đi qua hướng đông nam cây Bồ-đề, Ngài dừng gót ngọc bên mé hồ Hidza-Li-Đana thì trời mưa như cầm tĩnh mà đổ, gió thổi lạnh thấu xương,

Khi ấy rắn thần (7 đầu) giữ hồ này đến gần Bụt-Như-Lai đi vòng chung quanh chỗ Bụt-Như-Lai ngồi cúi mình lay bầy lần, đoạn sè đầu ra làm lọng mà che cho Ngài khỏi mưa gió.

Khi bảy ngày đã qua và mưa gió tạnh rồi, Bụt-Như-Lai bèn nói với rắn-thần rằng: « *Hề ai mà mong lòng vào cõi Tây-phang cực lạc thì phải hết lòng từ thiện với người đồng loại, như người mới tỏ lòng đó, nếu ai mà thọ phép tu như tích đức như thế thì sẽ được phước vậy !* »

Sau rớt khi Ngài tưởng gấm đã 7 ngày chót rồi, có hai người chuyên nghề buôn bán tên là Tapouza và Palekat đi ngang qua gần cây Bồ-đề.

Chúng nó hèn lâu đã từ biệt thành quê hương Oukkalaba, là chỗ gần vàm hai sông Krishna và Hoogly đổ ra biển. Chúng nó bỏ ghe dưới bến dẫn năm trăm cỗ xe do theo đường rừng Huruwela đặng sang qua xứ Souwama bán hàng.

Duy khi chúng nó đi gần tới chỗ Bụt-Như-Lai đang ngồi thì bánh xe vùng hết cử động, cả đoàn xe phải ngừng lại đó.

Có một vị tiên-ông khi trước vẫn là thân bằng của chúng nó hiện ra lại gần mà nói rằng: « *Nguyên Bụt-Như-Lai nay*

đã thành Chánh-quả đang ngồi dưới gốc cây Bồ-đề, Hai người hãy đến gần ngài và đứng cho ngài mặt ong và sửa bò sau hai người sẽ dựng công quã to.»

Hai người lái buôn bèn nghe theo lời tiên ông. Bụt-Như-Lai nhậm của lễ mà thốt rằng. « *Chúng người sau được công quã rất to, vì hai người có lòng rộng rãi mà nghĩ đến ta. cho dựng chúng người nhớ ta, thì ta cho hai người vài sợi tóc trên đầu ta đây để mà làm dấu tích, chúng người hãy lãnh lấy về cất chùa mà để vào đó, ngày sau vật bửu-bối ấy sẽ làm cho chúng người cứ đường ngay mà đến chỗ chi thiện ».*

Hai tên lái-buôn mừng rỡ vô hồi, bèn thọ lãnh vật bửu-bối, bái biệt mà trở về quê hương, cất chùa thờ tóc Bụt-Như-Lai đến nay thiên hạ hời thờ phượng.

Đó rồi kể đến kỳ Bụt-Như Lai bái việc tướng gấm.



VAI GIỜ CHÓT NƠI RỪNG HURUWELA

Khi Bụt-Như-Lai đã mắng kỳ 7 tuần tưởng gẫm dưới cây Bồ-đề rồi, Ngài còn dự dự chưa quyết đi truyền cho thiên hạ hiểu Chơn-Pháp rất lâu là đều Ngài đã tưởng tận. Ngài nghĩ rằng: « *Giữa chốn trần-gian thiên hạ bị trầm luân trong đường tội lỗi, mấy ai mà hiểu được Chơn-Pháp.* »

Song Bụt-tổ Brahma là đứng tột bực trong hàng chí-thiện hiểu thấu lòng Bụt-Như-Lai, ngài bèn tạm biệt ngôi báu đăng vân lẹ như trở tay, ngự xuống chốn u-nhạ Huruwela hiện ra cho Bụt-Như-Lai thấy.

Bụt-tổ Brahma bèn giải áo choàn, quì gối xuống mà nói rằng: « *Ồ đứng chí-tôn! vẫn trong xứ Maghada và trong các nước khác tà-pháp đang thịnh hành, ai giữ theo tà-pháp đều trở nên gian ác.*

« *Ồ Bụt-Như-Lai là kẻ cứu dân độ thế, hãy ra lòng từ bi mở cửa Thọ-vực-trường-sanh, vì có một mình Ngài biết mấy nhiệm màu cửa ấy.*

« *Ồ Bụt-Như-Lai là nguồn cách-trí, hãy rải nước cam-lộ mà giáo hóa chúng dân:*

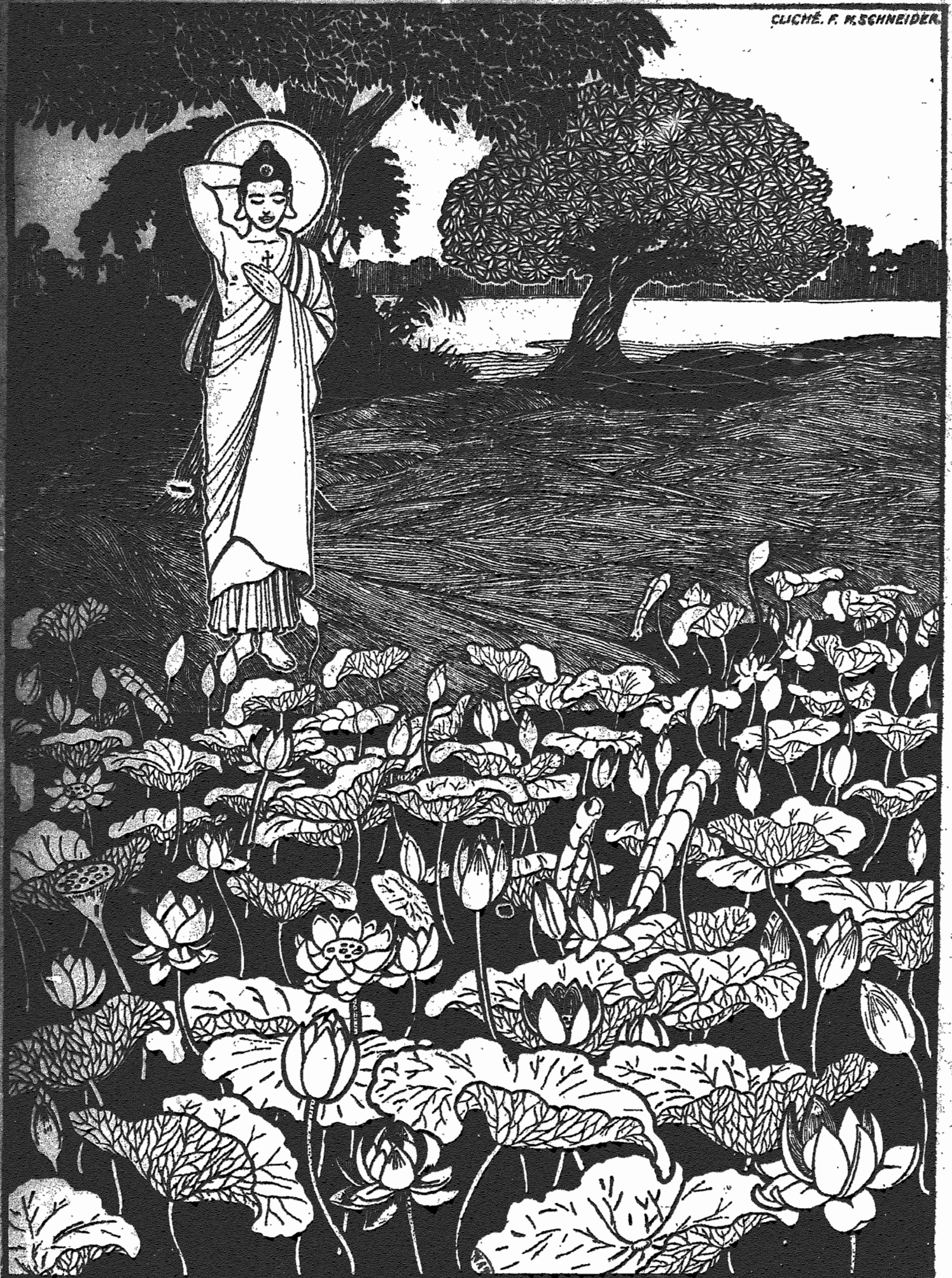
« *Vẫn dựa mục-đồng giữ dê trên đỉnh núi Hymalaya, dòm xuống thấy xa muôn dặm các nước của đế vương. Nay Bụt-Như-Lai đã nhờ được cuộc quang-minh lên tột bực cao xa, hãy ghé mắt ngó xuống chốn khổ-hãi là nơi loài người đang lao khổ.*

Ồ Từ bi Bụt-Như-Lai! Vì đồng bào đồng loài, ngài hãy chỗi dậy. Ở chí-tôn, chi đại, vô-lượng vô-biên Bụt, hãy chỗi dậy mà truyền Chơn-đạo thì chẳng thiếu chi người nghe theo.

Nghe các lời cầu như vậy Bụt-Như-Lai bèn hết dụ dụ đứng dậy mà nói rằng: « Dưới hồ Hidza-Li-Đana nước trong veo veo, thấy tọt đáy có sen trắng, sen xanh mọc lối xõ gió ngó tơ hưng vượng, khi mới nở ra thì cã thây đều tương tợ nhau. Song ít lâu ngó trở lá, lá trở bông dưới nước trong, cái thì trườn lên mặt nước, cái lại mọc tuốc khỏi mặt hồ trở lá xanh hoa trắng sum sê: hưng vượng tràn trề dưới bóng mặt trời. Loài người cũng thế, có người thì tinh thần anh-khiết vượt tuốc lên trên mà hưởng bóng quang âm, có kẻ lại lẩn quẩn dưới bùng chẳng hề thoác tục, kẻ lại dụ dụ trong đường tội phước. Ấy vậy ta sẽ lo lẫn cho cửa Thọ-đài trườn-sanh mở rộng.

Đây đã gần đến kỳ Bụt-Như-Lai đi truyền Chơn đạo, cho các xứ trong Trung-Châu rõ biết.





« Dưới hồ Hida-Li-Dana nước trong veo veo thấy tột đáy cỏ sen trắng,
sen xanh mọc lổ xổ giờ ngó tở hừng-sương »



LỤC THẬP ĐỒ-ĐỆ

Khi mǎng kỳ tướng-gãm rồi thì Bụt-Như-Lai bèn sang qua xứ Baranathi mà truyền Chơn-Pháp cho người nhơn gian và kẻ tu hành hiền.

Lúc Ngài còn ở trong rừng Huruwela thì có 5 ông đạo Ân-tu theo Ngài, song vì họ nghi không biết Ngài có phải là Chơn-tu chẳng, họ bèn bỏ Ngài mà đi. Vẫn Ngài khi ấy trai giới lâu ngày liệt nhược phải chết giắt một lần, khi tỉnh lại thì Ngài chịu nhậm của lễ nàng Sujata dâng. Nay Ngài đi kiếm năm ông đạo Ân-tu ấy mà truyền Chơn-Pháp, năm ông đạo Ân-tu này lúc đó ở tu trong chốn u-nhàn Migadawon chẳng xa chi xứ Baranathi nay kêu là Bénarès (Xá-Lợi).

Song khi thấy Bụt-Như-Lai đến thì họ cũng chưa tin Ngài đã thành chánh-quả, họ bèn tướng trong lòng như vậy : « Người này vẫn là Ân-tu tên là Cù-dàm đến đây mà dụ đồ-đệ, phở quyển cùng là xin áo-xiêm, ta há đi cung kính đó sao ? Song le khi Bụt-Như-Lai càng đến gần chừng nào thì trí họ càng khai rạng, lòng càng kính phục Ngài. Khi thấy Ngài tới nơi bèn cùng nhau chúc mǎng và lấy nước rửa chơn cho Ngài, vì đường xa gai gổc đâm cào nức nở, cùng dọn một chỗ tử tế cho Ngài nghỉ ngơi. Khi Ngài thấy các thầy Ân-tu còn gọi Ngài là Cù-dàm thì Ngài nói rằng : « Các người chớ gọi ta là Cù-dàm nữa, mà cũng đừng kêu ta là Ân-tu, vì nay ta đã thành Bụt Chí-tôn rồi, lớn hơn hết các loài.

Kể đó Ngài truyền Chơn-Pháp cho họ và dạy đường trau mình dặng đến nơi tột lành.

Vân lúc ấy nhắm đềm trăng cận rằm. Khi mặt trời chen lặn hương tây gần dứt thì Ngài khi sự giảng dạy, là lúc mặt trăng đang mọc hương đông mới ló lên được nửa vầng. Khi trăng đứng đầu thì cuộc giảng vừa rồi. Các đạo Ân-tu hết lòng tin lời Bụt-Như-Lai, nên được chí trọn lành. Vân Bụt-Như-Lai là đứng trọn lành trong các đứng trọn lành, nên tại rừng Migadawon nay đã có được sáu đứng thượng tri hiệp cùng nhau nơi ấy.

Thuở đó tại xứ Xá-Lợi có con nhà Cự-phú tên là Yasa tánh tình huề hướn hiền lương, cả ngày lo việc phóng tử vui chơi đủ thứ. Ngày kia đang ngủ giữa các hầu xinh gái tốt, thỉnh linh tri hóa Yasa khai quang. Đến lúc thức giấc thì trong lòng chàng va sanh nhằm cuộc thế, bèn bỏ nhà mà đi thẳng vào rừng Migadawon.

Vân Bụt-Như-Lai đã rõ thấu lòng người, ngồi chờ, khi thấy tên Cự-phú ấy vào, Ngài bèn nói rằng: « *Ớ trẻ thiếu-niên ý tốt, hãy đến đây theo ta mà học đạo, vẫn Pháp ta dạy đây là Chơn-Pháp, ai học được thì có phước vô cùng.* »

Yasa nghe nói vậy liền cỡi giày thêu quì xa xa mà nghe Ngài dạy đạo như vậy:

« *Người phải trách xa những kẻ bất trí mà tìm người khôn ngoan dặng làm quen lớn.* »

« *Người hãy kính trọng kẻ nhơn-đức.* »

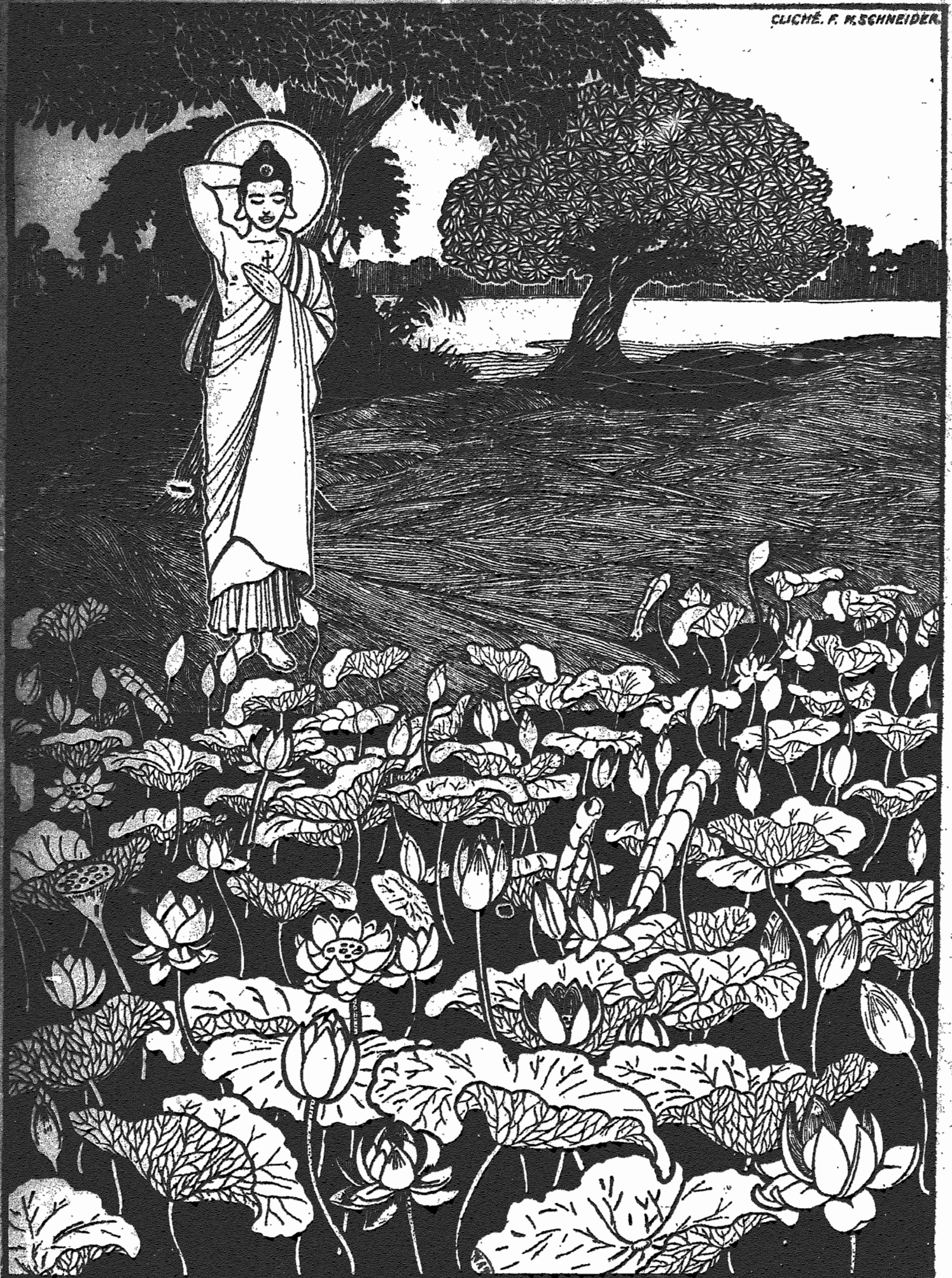
« *Người hãy an phận thủ thường, bực nào cứ giữ lấy bực ấy, chớ nên vượt đặng.* »

« *Người chớ quên rằng việc phước đức người đã làm sẽ giúp cho người có công-quả.* »

« *Người hãy giữ thể-thống nhơn-phẩm luôn,* »

« *Người hãy vui lòng ăn học, vì sự ăn học là một điều rất quý trên đời.* »

« *Người hãy lo cho cha mẹ hằng vui lòng, lo cho vợ con no ấm.* »



« Dưới hồ Hida-Li-Dana nước trong veo veo thấy tột đáy cỏ sen trắng,
sen xanh mọc lổ xổ giờ ngó tở hừng-sương »



LỤC THẬP ĐỒ-ĐỆ

Khi mǎng kỳ tướng-gãm rồi thì Bụt-Như-Lai bèn sang qua xứ Baranathi mà truyền Chơn-Pháp cho người nhơn gian và kẻ tu hành hiền.

Lúc Ngài còn ở trong rừng Huruwela thì có 5 ông đạo Ân-tu theo Ngài, song vì họ nghi không biết Ngài có phải là Chơn-tu chẳng, họ bèn bỏ Ngài mà đi. Vẫn Ngài khi ấy trai giới lâu ngày liệt nhược phải chết giắt một lần, khi tỉnh lại thì Ngài chịu nhậm của lễ nàng Sujata dâng. Nay Ngài đi kiếm năm ông đạo Ân-tu ấy mà truyền Chơn-Pháp, năm ông đạo Ân-tu này lúc đó ở tu trong chốn u-nhàn Migadawon chẳng xa chi xứ Baranathi nay kêu là Bénarès (Xá-Lợi).

Song khi thấy Bụt-Như-Lai đến thì họ cũng chưa tin Ngài đã thành chánh-quả, họ bèn tướng trong lòng như vậy : « Người này vẫn là Ân-tu tên là Cù-dàm đến đây mà dụ đồ-đệ, phở quyển cùng là xin áo-xiêm, ta há đi cung kính đó sao ? Song le khi Bụt-Như-Lai càng đến gần chừng nào thì trí họ càng khai rạng, lòng càng kính phục Ngài. Khi thấy Ngài tới nơi bèn cùng nhau chúc mǎng và lấy nước rửa chơn cho Ngài, vì đường xa gai gổc đâm cào nức nở, cùng dọn một chỗ tử tế cho Ngài nghỉ ngơi. Khi Ngài thấy các thầy Ân-tu còn gọi Ngài là Cù-dàm thì Ngài nói rằng : « Các người chớ gọi ta là Cù-dàm nữa, mà cũng đừng kêu ta là Ân-tu, vì nay ta đã thành Bụt Chí-tôn rồi, lớn hơn hết các loài.

Kể đó Ngài truyền Chơn-Pháp cho họ và dạy đường trau mình dặng đến nơi tột lành.

Vân lúc ấy nhắm đềm trăng cận rằm. Khi mặt trời chen lặn hướng tây gần dứt thì Ngài khi sự giảng dạy, là lúc mặt trăng đang mọc hướng đông mới ló lên được nửa vầng. Khi trăng đứng đầu thì cuộc giảng vừa rồi. Các đạo Ân-tu hết lòng tin lời Bụt-Như-Lai, nên được chí trọn lành. Vân Bụt-Như-Lai là đứng trọn lành trong các đứng trọn lành, nên tại rừng Migadawon nay đã có được sáu đứng thượng tri hiệp cùng nhau nơi ấy.

Thuở đó tại xứ Xá-Lợi có con nhà Cự-phú tên là Yasa tánh tình huề hướn hiền lương, cả ngày lo việc phóng tử vui chơi đủ thứ. Ngày kia đang ngủ giữa các hầu xinh gái tốt, thỉnh linh tri hóa Yasa khai quang. Đến lúc thức giấc thì trong lòng chàng va sanh nhằm cuộc thế, bèn bỏ nhà mà đi thẳng vào rừng Migadawon.

Vân Bụt-Như-Lai đã rõ thấu lòng người, ngồi chờ, khi thấy tên Cự-phú ấy vào, Ngài bèn nói rằng: « *Ớ trẻ thiếu-niên ý tốt, hãy đến đây theo ta mà học đạo, vẫn Pháp ta dạy đây là Chơn-Pháp, ai học được thì có phước vô cùng.* »

Yasa nghe nói vậy liền cỡi giày thêu quì xa xa mà nghe Ngài dạy đạo như vậy:

« *Người phải trách xa những kẻ bất trí mà tìm người khôn ngoan dặng làm quen lớn.* »

« *Người hãy kính trọng kẻ nhơn-đức.* »

« *Người hãy an phận thủ thường, bực nào cứ giữ lấy bực ấy, chớ nên vượt đặng.* »

« *Người chớ quên rằng việc phước đức người đã làm sẽ giúp cho người có công-quả.* »

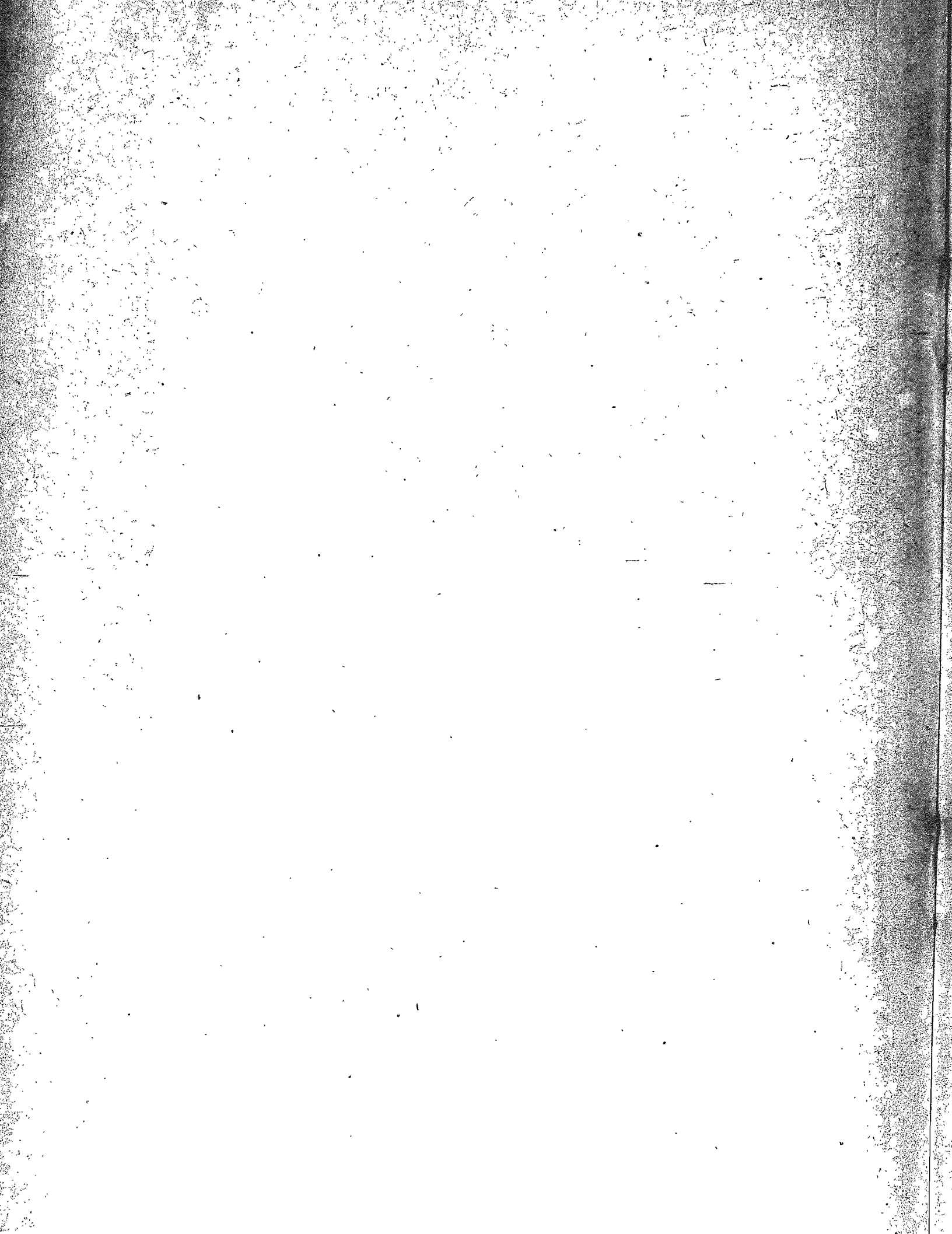
« *Người hãy giữ thể-thống nhơn-phẩm luôn,* »

« *Người hãy vui lòng ăn học, vì sự ăn học là một điều rất quý trên đời.* »

« *Người hãy lo cho cha mẹ hằng vui lòng, lo cho vợ con no ấm.* »



Khi Ngài thấy các thầy Ân-tu còn gọi
vì n:



« Người hãy cần ngôn cần hành, chớ khá dục tốc.

« Người hãy bố thí cho kẻ nghèo khổ vừa sức người.

« Người hãy kính trọng và thương yêu hết mọi người.

« Người hãy hết lòng khiêm nhường, tri túc thường túc, và lại khi ai từ tế với người mà làm ơn cho người, thì người hãy hết lòng cảm nghĩa.

« Người hãy trọng tăng.

« Người hãy trai giới và làm việc lành phước đức.

« Tóm lại một điều là người ở chốn ba thù này chớ khá lo buồn sợ hãi, chớ ngã lòng rúng chí, bắt chước gương ta là Bụt-Chí-Tôn hằng vững lòng ở giữa ba ngàn thế giới luôn.

Khi bốn ông hoàng trong xứ nghe và thấy bạn hữu là Yasa sao nay lại trở nên nhơn-đức từ bỏ hết cuộc phóng tử chơi bời, vậy thì ngày thứ bốn ông cùng nhau vào rừng xin Bụt-Chí-Tôn truyền đạo, đến chiều lại thì trọn rừng Migadawon đã thêm số chơn-tu được 11 người rồi.

Kể ít ngày có 50 chục gả thiếu niên cũng đến tầm sư thọ giáo Từ ngày Bụt-Như-Lai sang qua xứ Xá-Lợi được năm tháng thì số đồ-đệ được đủ 60 người.

Ngày kia Bụt-Như-Lai nhóm các đồ-đệ lại mà dạy như vậy: « Ó chư đồ-đệ ôi! hãy nghe ta chỉ bảo bổn-phận phải làm: Chư đồ-đệ hãy đi cùng khắp xứ mà truyền Chơn-Pháp cho người nhơn-gian và kẻ tu hành hiểu biết. Ta cho phép chư đồ-đệ muốn phong cho ai vào đám đồ-đệ cũng được luôn, miễn là xứng đáng thì đủ, mỗi đồ-đệ một người đi một ngã, chớ khá trùng đường, đặng sự truyền Chơn-Pháp tràn khắp các xứ như mây bủa trời xanh. Phải vững lòng vì đạo, chớ khá ngã lòng trong cơn dục dõ. Còn ta thì sẽ trở về làng Thina trong rừng Huruwela. »

Khi ngài sai đồ-đệ đi rảo khắp cả hoàn-cầu rồi thì ngài liền trở về rừng Huruwela.

THÀNH RAJAGRIHA HỮU DANH

Bụt Cù-dàm thỉnh thoản nhằm rừng Huruwéla trực chỉ, dọc đàng Ngài hay ghé lại các nơi mà truyền giáo, cho đến đôi khi Ngài gần tới nơi thì có hơn ngàn người đồ-đệ theo Ngài, trong đám ấy phải kể luôn chư đạo ân-tu hữu danh là Uruwéla Kathaba, Nadi Kathaba, Gaya Kathaba và các tiểu-tăng

Bụt-Như-Lai Ngài bèn nhớ trực lại rằng trong con Ngài còn mang chức Thái-tử, đi ngang qua thành Rajagriha, thì vua xứ ấy hết lòng trọng đãi Ngài, nên Ngài có hứa khi nào thành chánh-quả sẽ đến mà giảng dạy lẽ Chơn-Pháp cho dân trong nước nghe. Đến nay đồ-đệ theo Ngài dư ngàn, Ngài bèn dời chơn đến thành Rajagriha ở gần lối đó. Lúc đi đến cửa thành Ngài ngừng chơn lại, đoạn vào rừng chà-là mà tưởng-gẫm.

Vua hay tin ấy bèn phán cùng dân rằng: « Ông Hoàng tên là Sĩ-đạt-Tha là con cháu dòng vua sang cả cai trị xứ Ca-duy-la-việt xưa nay, đương kim được thành chánh-quả thành Bụt, Ngài đến đây truyền Chơn-Pháp cho chúng dân rõ biết ».

Vạn dân rất vui mừng, vua liền dẫn 12 muôn binh có các quan văn võ theo hầu và các thiềng-sư trong nước cũng đều tháp tùng, đến tại vườn Tandiwana thì thấy Bụt-Như-Lai đang ngồi chính giữa môn-đệ.

Vua quì gối lạy Bụt ba phen đoạn ngồi xa, còn các quan cùng binh lính dân giả bèn đứng kể đó mà nghe Bụt giảng chơn-ngôn.

Bụt Cù-dàm giảng dạy hèn lâu. Ngài nói cùng cả vạn quan

dân rằng: phải có lòng rộng rãi bố thí, chớ khá du hí du thực, đừng sa đắm tội-tình.

Trong lúc Ngài giảng dạy thì có nhiều người động lòng rơi lụy, vì lời nói rất diệu dàng yêm ái, họ bèn qui lạy Bụt, vấp đầu xuống đất mà thờ kính Ngài.

Có hơn 10 muôn dân đã qui Pháp, thì vua Binbisara nói cùng Bụt rằng: « Bạch quá danh vọng Bụt-Chí-Tôn, tôi rất tin chơn đạo như Ngài mới truyền đó. Thành này tôi xin kính dựng cho Bụt Như-Lai, xin Ngài hãy vào mà ở lấy.

Ngày thứ Bụt-Như-Lai nhập thành Rajagriha. Khi ấy có tiên-chủ hiện hình người thanh-niên lịch lãm đến trước mặt Bụt-Như-Lai hô lên rằng: « Đứng này là một vị rất tinh khiết, rất trọn lành, là Bụt-Như-Lai chí tôn chí đại, lòng dạ hăng từ bi thương xót loài người, hăng thương xót kẻ khó khăn, quan huy như ngôi sao Thigi, đã vượt khỏi thế sạ hồng trần. Ta phải tâng tụng Ngài! Ta phải tung hô Ngài! »

Thiên hạ muôn trùng ca xang danh vọng Ngài, Đồ-đệ vô số theo hầu, Ngài vào thành Rajagriha. Ngài ở đó ít ngày thì thiên hạ theo Ngài mà thọ giáo chẳng biết là bao nhiêu. Trong đám thọ giáo ấy, thiện nam tin-nữ phải biết đã có ông Tharipoutra và ông Maukalan sau trở nên môn-đệ Ngài rất có danh.



SỰ TÍCH DZANECKA

Song trong hàng dân già tại thành Rajagriha có nhiều người thấy thiên hạ vô số theo Bụt-Như-Lai mà thọ giáo thì có lòng kinh khủng, vả lại chẳng thiếu chi người khi nghe Ngài truyền Chơn-Pháp Chơn-Ngôn rồi bèn bỏ gia quyến mà đi tu đặng dỏi theo Bụt-cả.

Như thế thì vợ của các người bỏ mà đi tu ấy sau sẽ trở nên thế nào? Quả thiệt Bụt Cù-đàm đến đây làm cho nhiều người phải cô thân góa bụa, không thể lai sanh con cháu. Đó, các công-tử trong xứ thấy đều theo Bụt mà qui-y thọ pháp, thì thành Rajagriha hết người sang trọng, lấy chi mà làm danh dự cho thành.

Các người ấy giận dữ quá lẽ bèn đón đỡ-đệ của Bụt mà nhục mạ, các đỡ-đệ báo cùng Ngài, Ngài bèn thuật một chuyện cho đỡ-đệ nghe đặng vững lòng nhiệt thành; chuyện ấy như vậy:

« Thuở xưa kia trong xứ Mitila có một vua tên là Dzanecka cai trị một xứ rất to, danh tiếng cả dấy tứ phang. Hai ông Hoàng con tên là Arita và Paula lại làm cho danh vọng vua cha càng ngày càng tỏ rạng.

Vua cai trị xứ Mitila đặng năm chục năm rồi Ngài băng. Vẫn lúc sanh tiền tại vị vua này hằng lo cho dân an cư lạc nghiệp, lo cho xứ sở phong năm thanh vượng, nên hồn vua thượng cõi tiên mà hưởng phước tiêu điều.

Ông Hoàng anh là Arita lo tống táng vua cha một cách sang trọng, làm đủ các lễ nghi và trai giới theo lệ, đoạn thượng vị nối quyền cho cha, phong chức cực phẩm cho

ông Hoàng em là Paula lãnh chức chấp chương binh quyền trong xứ.

Anh em đều thuận hòa cùng nhau, xứ sở càng ngày càng cường thịnh.

Song ngày kia có quan trong trào tánh hay ghanh hiền ghét ngỗ bèn làm bôn-chương mà sàm tấu cáo gian cho ông Hoàng Paula. Vua anh hốt hỏa lời đình không suy đi xét lại bèn cất chức em và hạ ngục.

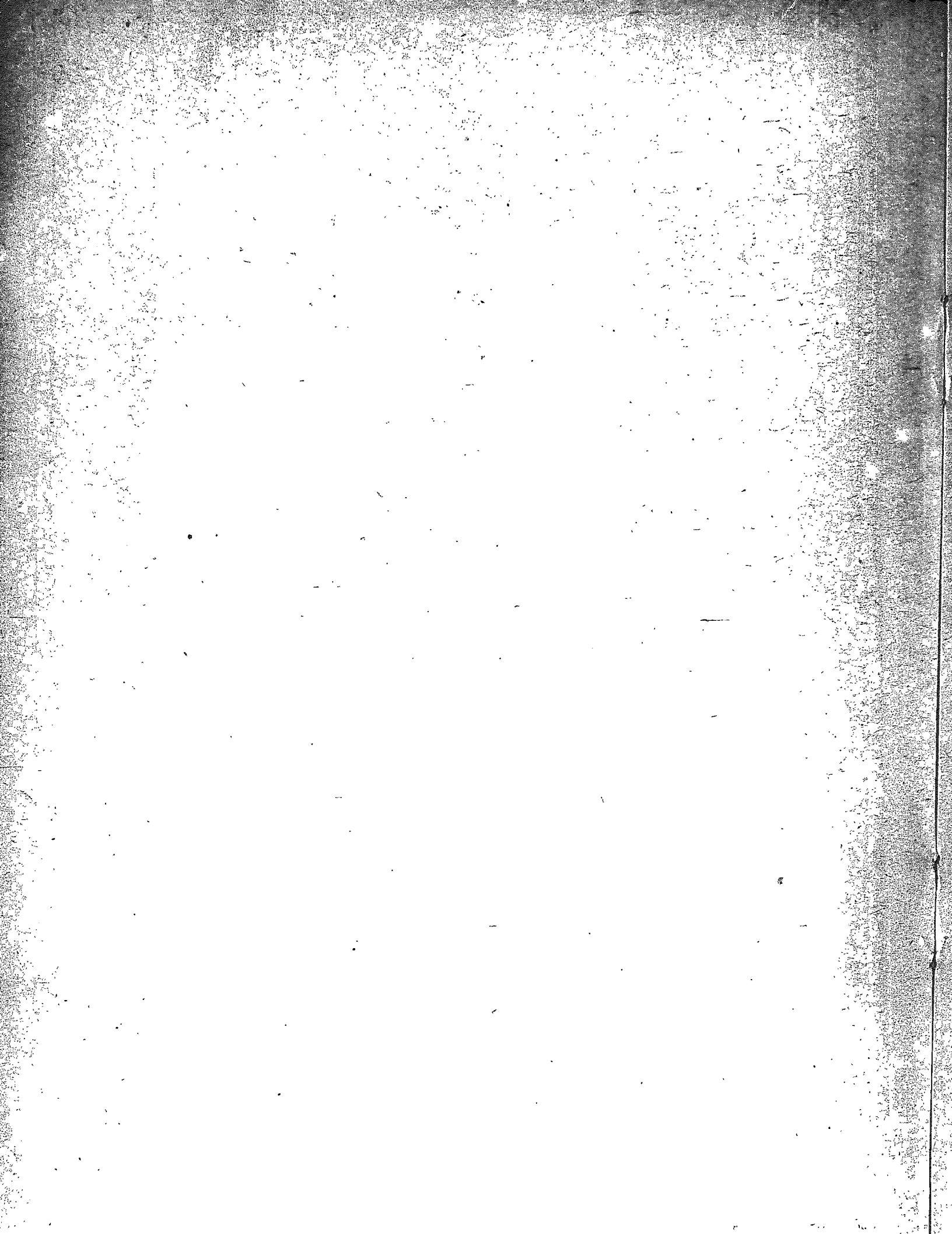
Song nhờ vì vô tội mà ông Hoàng Paula thoác khỏi lao lung, trốn qua địa phận kia là chỗ thiên hạ còn nhiều người trung hậu cùng mình. Cả thấy khi nghe tin như vậy bèn tụ nhau đến mà phục sự, chiêu tập anh hùng, hưng binh đối địch cùng vua Arita.

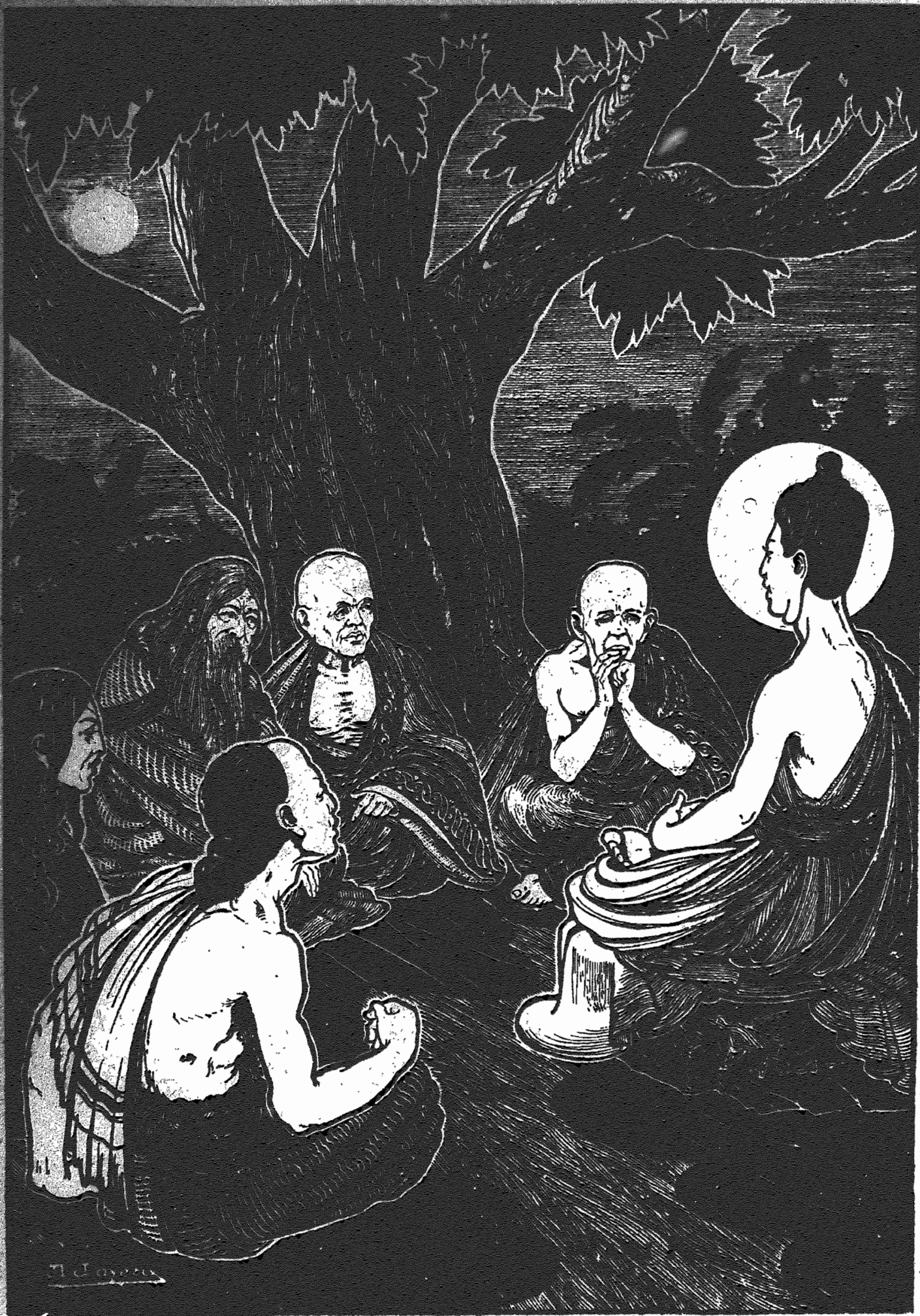
Hai anh em đánh nhau một trận rất dữ. Binh vua bị tử trận không còn một ai, vua cũng bị trận ấy mà bỏ mạng, thì ông Hoàng Paula lên ngôi thế quyền cho anh.

Lúc ấy vợ vua Arita đang thọ thai. Khi nghe chồng bại trận mà bỏ mạng thì sợ hãi quá chừng, bèn toan trốn qua xứ Tsampa là chỗ có bà con ở đó. Song nghĩ rằng nếu đi tay không, ắt không khỏi đói khát, bà Hoàng hậu bèn đào soát cung viện tóm thâu bửu vật vàng ngọc giấu vào thúng, đoạn đồ lúa lên trên mặt, lấy quần áo rách mà đậy lại, cải trang giả thương khách, đội thúng lên đầu, từ biệt hoàng thành mà trốn chẳng ai hay biết chi ráo.

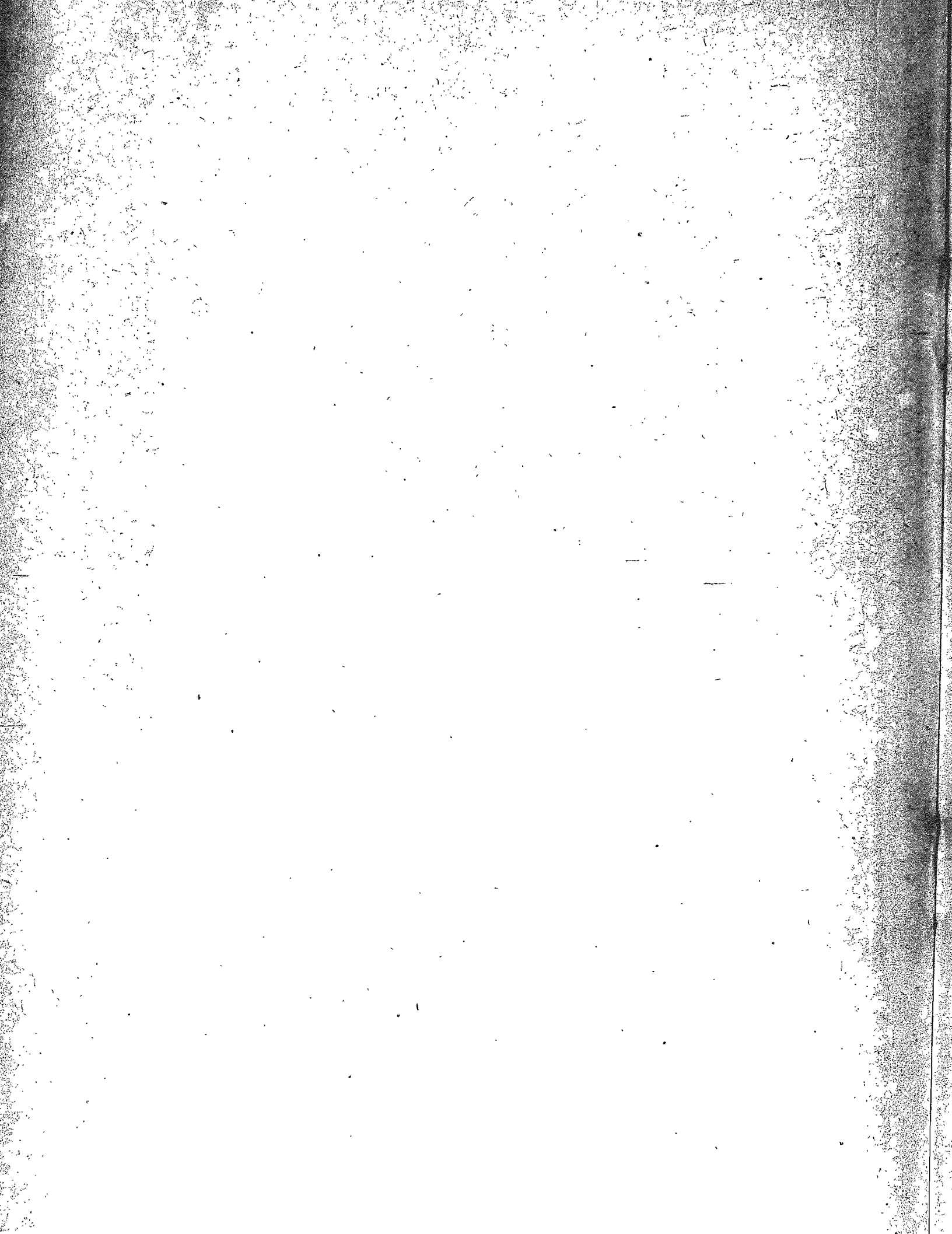
Khi đi đã khá xa, vì mỏi mệt mà dừng chơn, vào miếu kia cất gàn quan lộ mà nghỉ mệt. Song bà Hoàng hậu lấy làm lúng túng chẳng biết đường nào về Tsampa. Đụng ai đi đường cũng hỏi, mà không ai biết. Bà giả hỏi đường về Tsampa mà thăm chớng là người buôn bán, mà cả thấy trả lời rằng không biết.

Có một hai người thấy bả nhan sắc lạ thường và lời nói





Khi Ngài thấy các thầy Ân-tu còn gọi Ngài là Cù-đàm thì Ngài nói rằng : « Các người chớ gọi ta là Cù-đàm nữa, vì nay ta đã thành Bụt chí-tôn rồi ». (Trương 67)



« Người hãy cần ngôn cần hành, chớ khá dục tốc.

« Người hãy bố thí cho kẻ nghèo khổ vừa sức người.

« Người hãy kính trọng và thương yêu hết mọi người.

« Người hãy hết lòng khiêm nhượng, tri túc thường túc, và lại khi ai từ tế với người mà làm ơn cho người, thì người hãy hết lòng cảm nghĩa.

« Người hãy trọng tăng.

« Người hãy trai giới và làm việc lành phước đức.

« Tóm lại một điều là người ở chốn ba thù này chớ khá lo buồn sợ hãi, chớ ngã lòng rúng chí, bắt chước gương ta là Bụt-Chí-Tôn hằng vững lòng ở giữa ba ngàn thế giới luôn.

Khi bốn ông hoàng trong xứ nghe và thấy bạn hữu là Yasa sao nay lại trở nên nhơn-đức từ bỏ hết cuộc phóng tử chơi bời, vậy thì ngày thứ bốn ông cùng nhau vào rừng xin Bụt-Chí-Tôn truyền đạo, đến chiều lại thì trọn rừng Migadawon đã thêm số chơn-tu được 11 người rồi.

Kể ít ngày có 50 chục gả thiếu niên cũng đến tầm sư thọ giáo Từ ngày Bụt-Như-Lai sang qua xứ Xá-Lợi được năm tháng thì số đồ-đệ được đủ 60 người.

Ngày kia Bụt-Như-Lai nhóm các đồ-đệ lại mà dạy như vậy: « Ó chư đồ-đệ ôi! hãy nghe ta chỉ bảo bổn-phận phải làm: Chư đồ-đệ hãy đi cùng khắp xứ mà truyền Chơn-Pháp cho người nhơn-gian và kẻ tu hành hiểu biết. Ta cho phép chư đồ-đệ muốn phong cho ai vào đám đồ-đệ cũng được luôn, miễn là xứng đáng thì đủ, mỗi đồ-đệ một người đi một ngã, chớ khá trùng đường, đặng sự truyền Chơn-Pháp tràn khắp các xứ như mây bủa trời xanh. Phải vững lòng vì đạo, chớ khá ngã lòng trong cơn dục dõ. Còn ta thì sẽ trở về làng Thina trong rừng Huruwela. »

Khi ngài sai đồ-đệ đi rảo khắp cả hoàn-cầu rồi thì ngài liền trở về rừng Huruwela.

THÀNH RAJAGRIHA HỮU DANH

Bụt Cù-dàm thỉnh thoản nhằm rừng Huruwéla trực chỉ, dọc đàng Ngài hay ghé lại các nơi mà truyền giáo, cho đến đôi khi Ngài gần tới nơi thì có hơn ngàn người đồ-đệ theo Ngài, trong đám ấy phải kể luôn chư đạo ân-tu hữu danh là Uruwéla Kathaba, Nadi Kathaba, Gaya Kathaba và các tiểu-tăng

Bụt-Như-Lai Ngài bèn nhớ trực lại rằng trong con Ngài còn mang chức Thái-tử, đi ngang qua thành Rajagriha, thì vua xứ ấy hết lòng trọng đãi Ngài, nên Ngài có hứa khi nào thành chánh-quả sẽ đến mà giảng dạy lẽ Chơn-Pháp cho dân trong nước nghe. Đến nay đồ-đệ theo Ngài dư ngàn, Ngài bèn dời chơn đến thành Rajagriha ở gần lối đó. Lúc đi đến cửa thành Ngài ngừng chơn lại, đoạn vào rừng chà-là mà tưởng-gẫm.

Vua hay tin ấy bèn phán cùng dân rằng: « Ông Hoàng tên là Sĩ-đạt-Tha là con cháu dòng vua sang cả cai trị xứ Ca-duy-la-việt xưa nay, đương kim được thành chánh-quả thành Bụt, Ngài đến đây truyền Chơn-Pháp cho chúng dân rõ biết».

Vạn dân rất vui mừng, vua liền dẫn 12 muôn binh có các quan văn võ theo hầu và các thiềng-sư trong nước cũng đều tháp tùng, đến tại vườn Tandiwana thì thấy Bụt-Như-Lai đang ngồi chính giữa môn-đệ.

Vua quì gối lạy Bụt ba phen đoạn ngồi xa, còn các quan cùng binh lính dân giả bèn đứng kể đó mà nghe Bụt giảng chơn-ngôn.

Bụt Cù-dàm giảng dạy hèn lâu. Ngài nói cùng cả vạn quan

dân rằng: phải có lòng rộng rãi bố thí, chớ khá du hí du thực, đừng sa đắm tội-tình.

Trong lúc Ngài giảng dạy thì có nhiều người động lòng rơi lụy, vì lời nói rất diệu dàng yêm ái, họ bèn qui lạy Bụt, vấp đầu xuống đất mà thờ kính Ngài.

Có hơn 10 muôn dân đã qui Pháp, thì vua Binbisara nói cùng Bụt rằng: « Bạch quá danh vọng Bụt-Chí-Tôn, tôi rất tin chơn đạo như Ngài mới truyền đó. Thành này tôi xin kính dựng cho Bụt Như-Lai, xin Ngài hãy vào mà ở lấy.

Ngày thứ Bụt-Như-Lai nhập thành Rajagriha. Khi ấy có tiên-chủ hiện hình người thanh-niên lịch lãm đến trước mặt Bụt-Như-Lai hô lên rằng: « Đứng này là một vị rất tinh khiết, rất trọn lành, là Bụt-Như-Lai chí tôn chí đại, lòng dạ hăng từ bi thương xót loài người, hăng thương xót kẻ khó khăn, quan huy như ngôi sao Thigi, đã vượt khỏi thế sạ hồng trần. Ta phải tâng tụng Ngài! Ta phải tung hô Ngài! »

Thiên hạ muôn trùng ca xang danh vọng Ngài, Đồ-đệ vô số theo hầu, Ngài vào thành Rajagriha. Ngài ở đó ít ngày thì thiên hạ theo Ngài mà thọ giáo chẳng biết là bao nhiêu. Trong đám thọ giáo ấy, thiện nam tin-nữ phải biết đã có ông Tharipoutra và ông Maukalan sau trở nên môn-đệ Ngài rất có danh.



SỰ TÍCH DZANECKA

Song trong hàng dân già tại thành Rajagriha có nhiều người thấy thiên hạ vô số theo Bụt-Như-Lai mà thọ giáo thì có lòng kinh khủng, vả lại chẳng thiếu chi người khi nghe Ngài truyền Chơn-Pháp Chơn-Ngôn rồi bèn bỏ gia quyến mà đi tu đặng dỏi theo Bụt-cả.

Như thế thì vợ của các người bỏ mà đi tu ấy sau sẽ trở nên thế nào? Quả thiệt Bụt Cù-đàm đến đây làm cho nhiều người phải cô thân góa bụa, không thể lai sanh con cháu. Đó, các công-tử trong xứ thấy đều theo Bụt mà qui-y thọ pháp, thì thành Rajagriha hết người sang trọng, lấy chi mà làm danh dự cho thành.

Các người ấy giận dữ quá lẽ bèn đón đỡ-đệ của Bụt mà nhục mạ, các đỡ-đệ báo cùng Ngài, Ngài bèn thuật một chuyện cho đỡ-đệ nghe đặng vững lòng nhiệt thành; chuyện ấy như vậy:

« Thuở xưa kia trong xứ Mitila có một vua tên là Dzanecka cai trị một xứ rất to, danh tiếng cả dấy tứ phang. Hai ông Hoàng con tên là Arita và Paula lại làm cho danh vọng vua cha càng ngày càng tỏ rạng.

Vua cai trị xứ Mitila đặng năm chục năm rồi Ngài băng. Vẫn lúc sanh tiền tại vị vua này hằng lo cho dân an cư lạc nghiệp, lo cho xứ sở phong năm thịnh vượng, nên hồn vua thượng cõi tiên mà hưởng phước tiêu điều.

Ông Hoàng anh là Arita lo tống táng vua cha một cách sang trọng, làm đủ các lễ nghi và trai giới theo lệ, đoạn thượng vị nối quyền cho cha, phong chức cực phẩm cho

ông Hoàng em là Paula lãnh chức chấp chương binh quyền trong xứ.

Anh em đều thuận hòa cùng nhau, xứ sở càng ngày càng cường thịnh.

Song ngày kia có quan trong trào tánh hay ghanh hiền ghét ngỗ bèn làm bôn-chương mà sàm tấu cáo gian cho ông Hoàng Paula. Vua anh hốt hỏa lời đình không suy đi xét lại bèn cất chức em và hạ ngục.

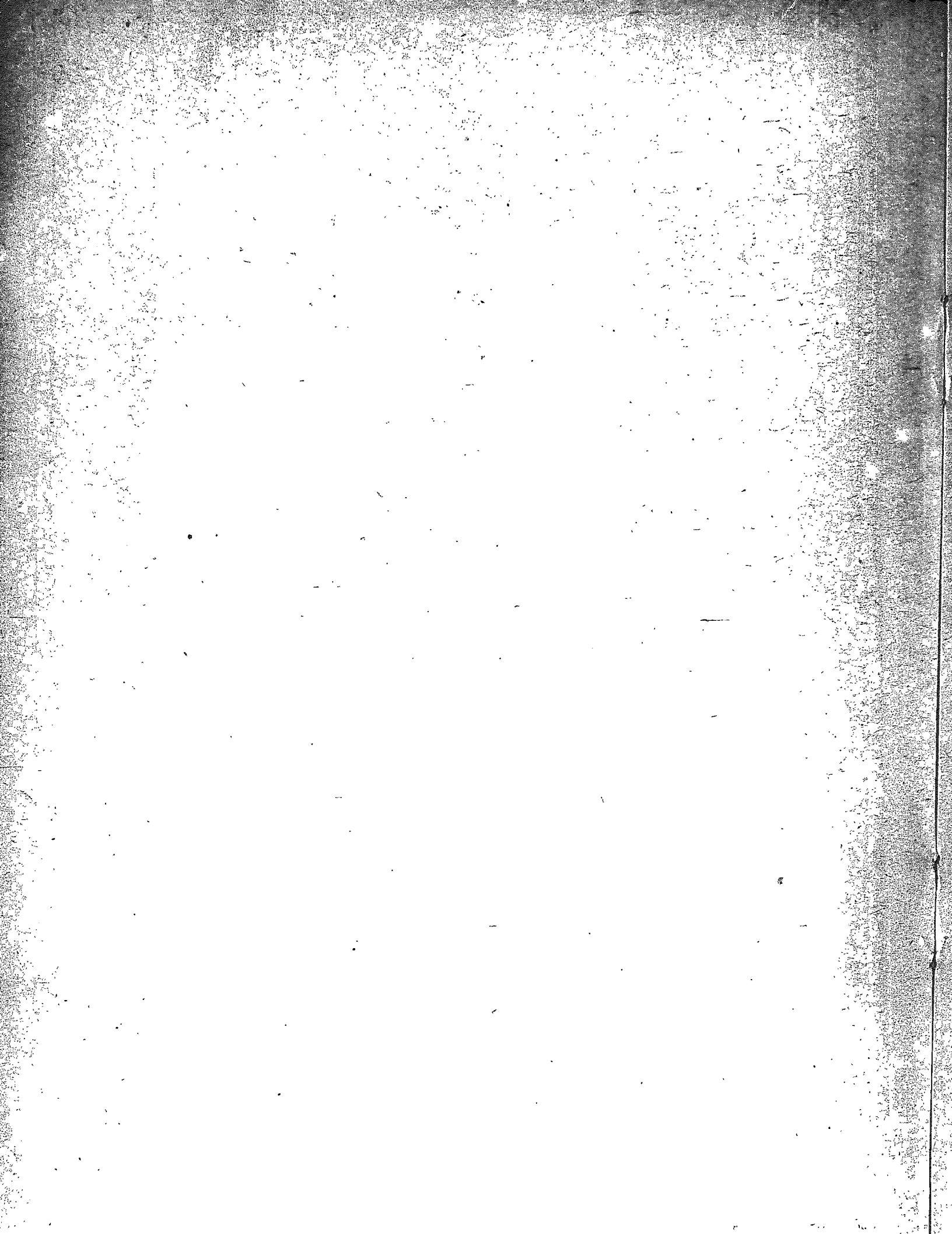
Song nhờ vì vô tội mà ông Hoàng Paula thoác khỏi lao lung, trốn qua địa phận kia là chỗ thiên hạ còn nhiều người trung hậu cùng mình. Cả thấy khi nghe tin như vậy bèn tụ nhau đến mà phục sự, chiêu tập anh hùng, hưng binh đối địch cùng vua Arita.

Hai anh em đánh nhau một trận rất dữ. Binh vua bị tử trận không còn một ai, vua cũng bị trận ấy mà bỏ mạng, thì ông Hoàng Paula lên ngôi thế quyền cho anh.

Lúc ấy vợ vua Arita đang thọ thai. Khi nghe chồng bại trận mà bỏ mạng thì sợ hãi quá chừng, bèn toan trốn qua xứ Tsampa là chỗ có bà con ở đó. Song nghĩ rằng nếu đi tay không, ắt không khỏi đói khát, bà Hoàng hậu bèn đào soát cung viện tóm thâu bửu vật vàng ngọc giấu vào thúng, đoạn đồ lúa lên trên mặt, lấy quần áo rách mà đậy lại, cải trang giả thương khách, đội thúng lên đầu, từ biệt hoàng thành mà trốn chẳng ai hay biết chi ráo.

Khi đi đã khá xa, vì mỏi mệt mà dừng chơn, vào miếu kia cất gài quan lộ mà nghỉ mệt. Song bà Hoàng hậu lấy làm lúng túng chẳng biết đường nào về Tsampa. Đụng ai đi đường cũng hỏi, mà không ai biết. Bà giả hỏi đường về Tsampa mà thăm chớng là người buôn bán, mà cả thấy trả lời rằng không biết.

Có một hai người thấy bả nhan sắc lạ thường và lời nói



cũng lấy theo tên ông cha mà đặt là Dzanecka Thái-tử tự ấu chỉ trưởng đến 15 tuổi mà chưa rõ tông-tích là con ai. Song ngày kia con nít nhà hoang thấy không cha bèn kêu ông Hoàng này là : *con đờn bà góa*.

Chàng ta lấy làm lạ bèn hỏi căn do thì mới rõ nguồn con tự sự: cha bị tử trận, mẹ bị phiêu lưu.

Chàng ta bèn sanh tâm khao khát sự hoán cừu. Song muốn phục nghiệp ông cha thì trước phải có binh gia và tiền bạc mới được. Chàng va bèn xuất thân buôn bán đặng kiếm bạc tiền mà cử đồ đại sự.

Tình rồi chàng va mới đi mượn một chiếc tàu, trương buồm nhắm thành Caumawatoura trực tấn.

Song ra khỏi vừa được hai ngày tàu bị một trận bão to thổi dập vào lỗ bể nát. Cả thủy bạn bè chết ráo, duy còn một mình ông hoàng-tử nhờ ôm được tấm ván nương theo lượm sóng mà chịu ba đào giữa biển minh mông.

May có một nàng tiên kia là thần coi việc biển giả thấy Thái-tử này gần lụy, bèn ra tay tế-độ, đem thẳng về xứ Mitila là chỗ khi trước vua cha trị-vị thiên hạ. Đến nơi nàng tiên để Thái-tử nằm trên thạch bàn là chỗ nhiều đời vua xứ Mitila thường hay tiết yến tại đó. Thái-tử nằm trên thạch bàn ngủ an giấc điệp.

Song le áp ngày ấy vua xứ Mitila đã thăng hà để lại một nàng công-chúa mỹ danh là Thiwali. Trước khi tắt hơi vua có hội quần thần mà phán rằng: « Trẫm chết không con trai kế vị, thì người nào mà công chúa Thiwali chọn làm chồng thì sẽ được kế-vị cho Trẫm làm vua xứ Mitila. Nên chớ khinh khả chọn lựa kẻ cang, được người lịch lãm như vị Thượng-đế, mạnh như bảo tố, thông minh như các đấng thiên-văn hữu danh, có sức giương cây cung này mà trẫm đứng giương không nhút nhích, sẽ có tài tìm được cái chỗ

trăm đã chôn giấu mười ché vàng, trí hóa phải bằng tài lực, thì mới nên gã công-chúa cho đó.

Quần thần tống táng vua một cách trọng thể. Khi các việc an bài, thì lại lo kiếm chông cho Công-chúa Thiwali. Chẳng thiếu chi nơi đến mà chưa ai đặt việc.

Quần thần phân phân bắt nhứt, bèn để diên trì mà cầu may, dạy bắt một cặp bò trắng thảng vào xe đoạn cùng nhau lên ngòi thả vàm để bò đi thông dong tự ý.

Tuy con mắt phàm không thấy được chó có tiên ra tay dẫn cặp bò trắng ấy kéo xe đến nơi thạch bàn là chỗ Thái-tử đang an giất điệp.

Quần thần bèn kêu Thái-tử dậy rồi dắt đi ngả đông-môn mà về thành. Khi các quan thuật lại lời thác cố của vua, thì Thái-tử liền lấy cung mà giương dẻ như chơi, đoạn đi tìm được mười ché vàng thì các quan bèn gã Công-chúa Thiwali cho Thái-tử Dzanecka. (*Anh em nhà chú nhà bác lấy nhau*).

Nhơn dân hơn hở, có vài ngàn Đạo-nhơn dùng bình-bát trắng múc nước mà đổ trên bệ ngai, chúc Tân-vương xứ Mitila muôn muôn tuổi thọ.

Vua này là con vua Arita Dzanecka ở ngôi lâu năm. Song số mạng ngài đã có tiền định sau phải xuất gia đầu Bụt.

Số là ngày kia ngài đi dạo trong ngự-huê-viên, bỗng thấy hai cây xoài, một cây thì cành còi khô héo, còn cây kia thì sum sê hoa quả, trái chín tương tợ trứng vàng. Ngài bèn thừa ừa hái một trái, thì các quan theo hầu liền bắt chước hái cả trái cả lá. Khi vua trở về thấy vậy bèn phán rằng: « *Quả thật của cải thế gian đều có gian tặc mong nom, nay về tay người này, mai về tay người khác, thế*

cuộc nào khác cây xoài này. Bởi vậy ta khá tìm kiếm thứ của báu nào mà không ai tranh hành thì mới bền vững được. »

Vua nghĩ như thế bèn lên mặt áo casa rồi bỏ đèn mà đi.

Vua ra khỏi đèn đi tìm nơi thanh vắng mà tu trì là vào rừng trên núi Himawonta. Song bà Hoàng-hậu rất nên buồn thảm, trông chông một ngày một biệt, bèn đi kiếm và gặp ngài liền theo ngài lên núi.

Vẫn ngày kia ngài đi ngan qua gần thành Daunou, ngài dừng chơn trước phố người bán tên mà hỏi rằng: « *Làm sao mà khi nhắm cây coi ngay hay vạy, mà mây lại nhắm một con mắt, sao không mờ hết hai con mà coi?* Người bán tên trả lời rằng: « *Dạ, bởi vì, nếu tôi mờ hết hai con mắt mà nhắm cây tên ngay hay vạy, thì chắc phải sai, vì hai con dành nhau làm cho tôi xem không chính đính.*

Còn thầy, sao thầy đã xuất gia đầu Bụt mà lại đem đàn-bà theo bèn lưng làm gì ăn mặc nhồn nha như vậy? Quả thiệt người đàn-bà ấy là con mắt thứ nhì, nó sẽ làm cho thầy đi chẳng nhắm đường ngay mà vào nơi tốt lành vạy.

Khi ngài day lại thì thấy bầy con trẻ đang chơi có đứa nhỏ tay tả đeo một chiếc vòng vàng, tay hữu đeo 1 chiếc vòng vàng và 1 chiếc vòng bạc. ngài bèn hỏi nó: « *Sao khi mây giỡ tay mặt thì nghe rồn rản mà tay trái lại yêm liềm? Con nhỏ ấy đáp lại rằng: « *Dạ, thưa tay mặt tôi không khác nào những người ở chốn hồng trần: vòng vàng, vòng bạc, vợ vợ, chồng chồng, cả cuộc hằng ngày hay động nhau thì thất tình trong lòng cũng động vạy. Còn tay trái tôi thì khá tí như các đao-nhơn đã phũ rồi thế sự, vào nơi thanh tịnh mà lo việc tu nhơn tích đức đặng đến chốn tốt lành. »**

Khi Ngài nghe các lời tỉ thí cao sâu như vậy, Ngài bèn nhứt định từ cuộc thế tình mà tu trì chơn-đạo. Trước

trăm đã chôn giấu mười ché vàng, trí hóa phải bằng tài lực, thì mới nên gã công-chúa cho đó.

Quần thần tống táng vua một cách trọng thể. Khi các việc an bài, thì lại lo kiếm chông cho Công-chúa Thiwali. Chẳng thiếu chi nơi đến mà chưa ai dựng việc.

Quần thần phân phân bắt nhứt, bèn đề diên trì mà cầu may, dạy bắt một cặp bò trắng trắng vào xe đoạn cùng nhau lên ngồi thả vằm để bò đi thông dong tự ý.

Tuy con mắt phàm không thấy được chớ có tiên ra tay dẫn cặp bò trắng ấy kéo xe đến nơi thạch bàn là chỗ Thái-tử đang an giất điệp.

Quần thần bèn kêu Thái-tử dậy rồi dắt đi ngả đông-môn mà về thành. Khi các quan thuật lại lời thác cổ của vua, thì Thái-tử liền lấy cung mà giương dể như chơi, đoạn đi tìm được mười ché vàng thì các quan bèn gã Công-chúa Thiwali cho Thái-tử Dzanecka. (*Anh em nhà chú nhà bác lấy nhau*).

Nhơn dân hơn hỏ, có vài ngàn Đạo-nhơn dùng binh-bát trắng mức nước mà đổ trên bệ ngai, chúc Tân-vương xứ Mitila muôn muôn tuổi thọ.

Vua này là con vua Arita Dzanecka ở ngôi lâu năm. Song số mạng ngài đã có tiền định sau phải xuất gia đầu Bụt.

Số là ngày kia ngài đi dạo trong ngự-huê-viên, bỗng thấy hai cây xoài, một cây thì cần còi khô héo, còn cây kia thì sum sê hoa quả, trái chín tương tợ trứng vàng. Ngài bèn thừa ư hái một trái, thì các quan theo hầu liền bắt chước hái cả trái cả lá. Khi vua trở về thấy vậy bèn phán rằng: « *Quả thật của cải thế gian đều có gian tặc mong nom, nay về tay người này, mai về tay người khác, thế*

cuộc nào khác cây xoài này. Bởi vậy ta khá tìm kiếm thứ của báu nào mà không ai tranh hành thì mới bền vững được. »

Vua nghỉ như thế bèn lên mặt áo casa rồi bỏ đèn mà đi.

Vua ra khỏi đèn đi tìm nơi thanh vắng mà tu trì là vào rừng trên núi Himawonta. Song bà Hoàng-hậu rất nên buồn thảm, trông chông một ngày một biệt, bèn đi kiếm và gặp ngài liền theo ngài lên núi.

Vẫn ngày kia ngài đi ngang qua gần thành Daunou, ngài dừng chơn trước phố người bán tên mà hỏi rằng: « *Làm sao mà khi nhắm cây coi ngay hay vạy, mà mày lại nhắm một con mắt, sao không mở hết hai con mà coi? Người bán tên trả lời rằng: « Dạ, bởi vì, nếu tôi mở hết hai con mắt mà nhắm cây tên ngay hay vạy, thì chắc phải sai, vì hai con dành nhau làm cho tôi xem không chính đính.*

Còn thầy, sao thầy đã xuất gia đầu Bụt mà lại đem đàn-bà theo bên lưng làm gì ăn mặc nhờn nha như vậy? Quả thiệt người đàn-bà ấy là con mắt thứ nhì, nó sẽ làm cho thầy đi chẳng nhắm đường ngay mà vào nơi tốt lành vạy.

Khi ngài day lại thì thấy bầy con trẻ đang chơi có đưa nhỏ tay tả đeo một chiếc vòng vàng, tay hữu đeo 1 chiếc vòng vàng và 1 chiếc vòng bạc, ngài bèn hỏi nó: « *Sao khi mày giữ tay mặt thì nghe rồn rản mà tay trái lại yêm liêm? Con nhỏ ấy đáp lại rằng: « Dạ, thua tay mặt tôi không khác nào những người ở chốn hồng trần: vòng vàng, vòng bạc, vợ vợ, chồng chồng, cả cuộc hằng ngày hay động nhau thì thất tình trong lòng cũng động vạy. Còn tay trái tôi thì khá tử như các đao-nhơn đã phũ rồi thế sự, vào nơi thanh tịnh mà lo việc tu nhơn tích đức đặng đến chốn tốt lành. »*

Khi Ngài nghe các lời tử thi cao sâu như vậy, Ngài bèn nhưt đính từ cuộc thế tình mà tu trì chơn-đạo. Trước

khi vào rừng cũ, ngọn cao tột mây xanh trên núi Himawonta, Ngài bèn bẻ một nhánh cây trao cho bà Hoàng-hậu mà phán rằng: « *Đôi ta chẳng khác nào như nhánh này đã lìa cội, há trông cho đây đó sum vầy được sao. Ấy vậy từ đây vợ chồng ta phải phân rẽ đôi phang.* »

Nói rồi Ngài bèn đi tước vào rừng. Bà Hoàng-hậu khóc lóc than van rất nên thê thảm, đoạn trở về Mitila mà tu nhơn tích đức, bố thí của cải cho kẻ nghèo nàn. Khi bà chết bèn đặng vào tiên cảnh mà hưởng phước tiêu diêu.

Còn vua Dzanecka là con vua Arita Dzanecka lập được nhiều công quã rất to, qua kiếp khác được thành Bụt. Bụt ấy là ta đây, đang giảng đạo cho các người nghe.

Còn các người kia là: đứa con gái đeo vòng đỏ nay đã thành đồ-đệ yêu dấu của ta, người bán tên đó là Ananda (*Át-nan-đà*) là đồ-đệ trung tín của ta.

Bà Hoàng-hậu Thiwali sau đặt tên là Yasodara (*Ra-ru ðà-la*).

Mặc tình những đứa ít đức tin, để nó nhục mạ chúng người. Chúng người khá thình lòng giữ trọn làm theo các lời của đồ-đệ yêu dấu ta, là Purna trong khi ta sai nó qua xứ Chronaparenta mà truyền chơn đạo.

Các lời đối đáp ấy như vậy:

« *Purna ôi! vẫn dân xứ Chronaparenta nhiều đứa tàng bạo độc dữ, nếu chúng nó nhục mạ mi, thì mi tính làm sao?* »

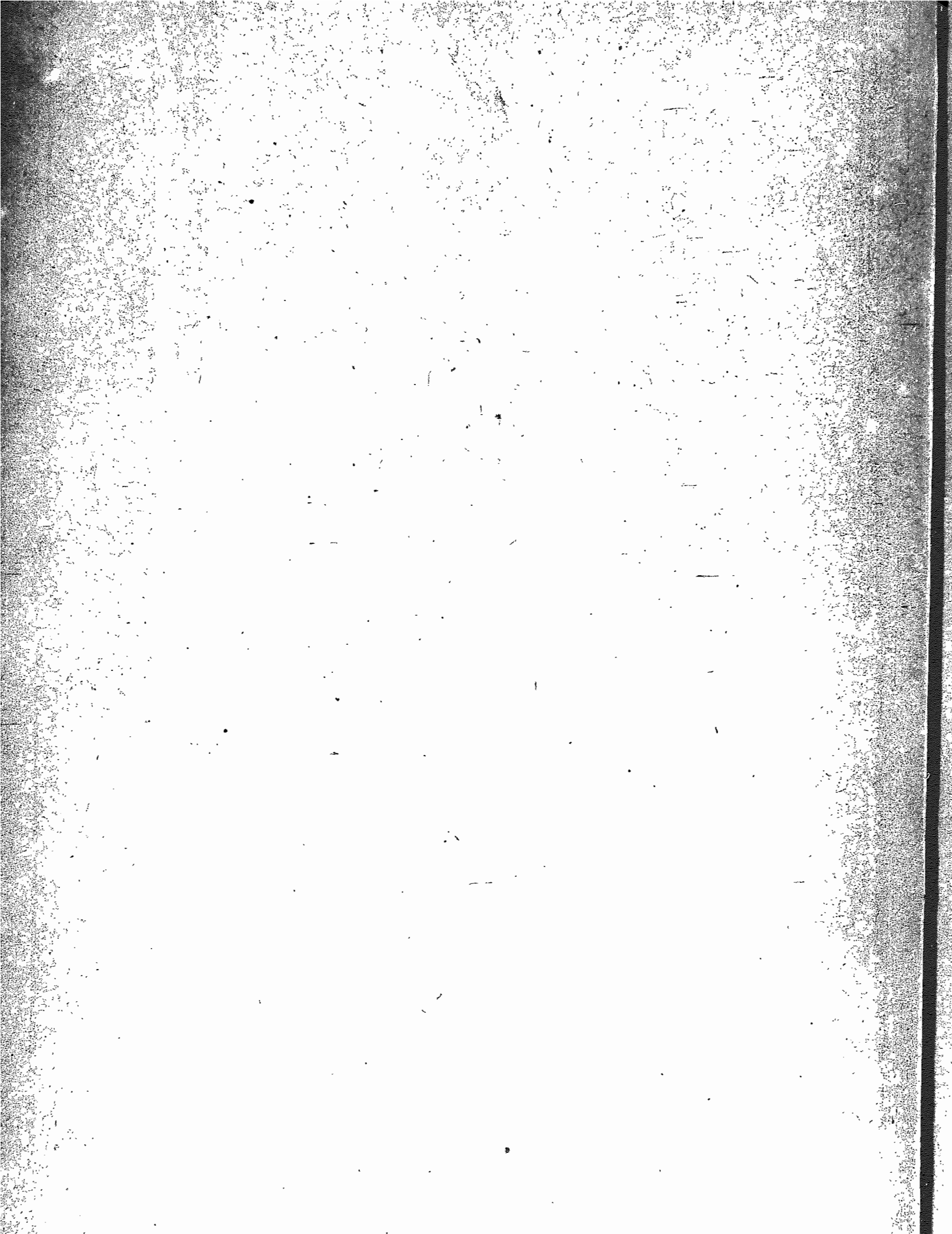
— « *Dạ, Bạch quá Tôn-su, tôi sẽ chẳng trả lời, miễn là chúng nó chưởi mắng mà đừng lấy tay đánh hoặc lấy đá quăng thì cũng nên cho chúng nó là kẻ hiền lương đó.* »

— « *Còn như chúng nó lấy tay đánh mi thì mi liệu thế nào?* »

— « *Dạ, Bạch quá Tôn-su, tôi cũng cho chúng nó là có lòng nhơn từ, vì chúng nó không dùng đao mà chém tôi.* »



Đó là chẳng khác nào như nhành cây này đã lia cội, lá trông cho đầy đó sum vầy. Ấy vậy từ đây vợ chồng ta phải phân rẽ đôi phang. » Nói rồi Ngài bèn đi tước vào rừng. (Trương 78)



— « Còn như chúng nó giết mây, mây mới liệu làm sao ?

— « Dạ, Bạch quá Tôn-sư, ấy là chúng nó có lòng quảng đại, vì nhờ chúng nó, tôi tuy chịu đau ít hơi, mà được từ biệt xác phàm khổn nạn này. »

Đó là các lời của Purna đáp từ cùng ta vậy. Hãy noi theo gương ấy mà đi tứ phang giảng dạy Chơn-ngôn.

Vì khi ấy ngài đã đang sửa soạn sai một tốp đồ-đệ khác đi khắp xứ Kosala và xứ Nagadha mà truyền Chơn-pháp.



BỤT NHƯ-LAI HỒI CỔ LÝ

Trong cơn Bụt Cù-dàm truyền Chơn-Pháp tại Rajagriha, có nhiều dân theo đạo hằng hà sa số như hoa đua nở trên cây thì vua Đầu-đồ-ra là cha của Bụt ở tại cung trong xứ Ca-duy-la-việt buồn bực vô cùng, một ngày thêm một già.

Cách đã sáu năm con yêu dấu bỏ cha già, bỏ vợ yếu con thơ, bỏ sự giàu sang, ngôi báu mà đi vào rừng tìm chỗ u-nhàn Huruwéla tu niệm.

Lâu lâu có tin về đến Ca-duy-la-việt-quốc-một lần. Trong lúc sau đây trên trời dưới đất có trở điềm cho nhơn dân xứ Ca-duy-la-việt hay rằng Thái-tử tu hành thông thạo các phép nay đã thành Bụt rồi.

Sau nữa khi Ngài qua tại xứ Xá-Lợi mà truyền Chơn-ngôn, thiên hạ theo đạo đông lắm, thì bên Ca-duy-la-việt quốc cũng có nghe tin.

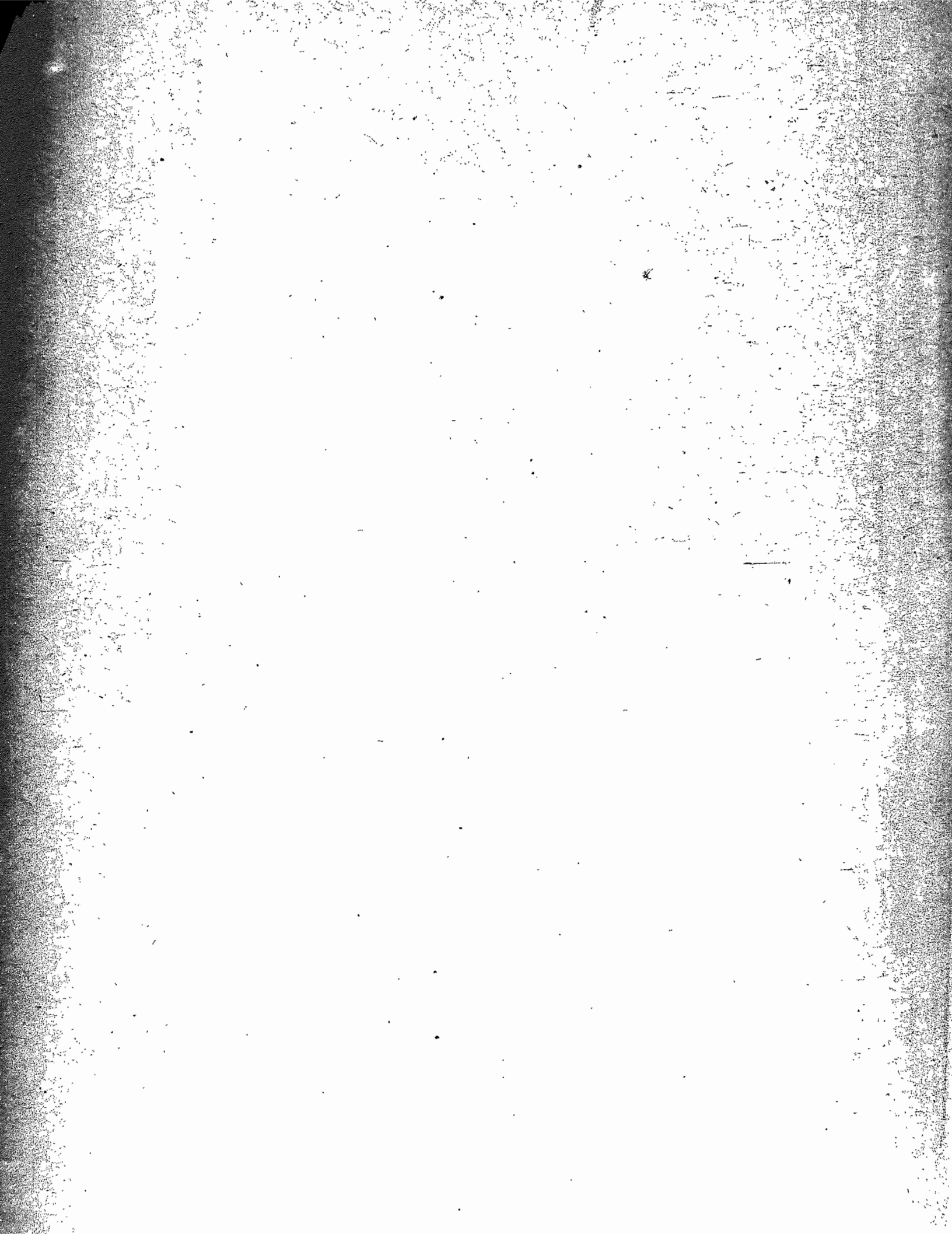
Cho nên vua Đầu-đồ-ra bèn triệu một vị đại-thần đến mà dạy rằng: « Trẫm muốn thấy mặt con Trẫm trước khi thăng hà. Khanh hãy dẫn theo 1000 binh do đường hướng đông qua đến xứ Magadha là chỗ con Trẫm đang giảng dạy Chơn-Pháp mà nói với con Trẫm rằng nay Trẫm đã gần đất xa trời, muốn thấy mặt con trở về cố-lý ».

Quan Đại-thần ấy phụng mạng do theo đường hướng-đông đến chùa Wélouwon ở gần cửa thành Rajagriha, trong lúc Bụt giảng dạy rất thanh hành. Song khi nghe Bụt giảng dạy thì quan Đại-thần quên lệnh vua bèn cùng 1000 binh qui pháp, mặc áo ca-sa ở chung lộn cùng bôn đạo mà tu niệm. Khi vua Đầu-đồ-ra thấy sao Đại-thần không về, bèn sai sứ thứ nhì, sứ thứ ba, tới sứ thứ bảy, mà cả thầy cùng



« Con hãy qua đó mà rước Bụt Cùđàm về đây, Trẫm còn có một mình con là kẻ tin cậy mà thôi. »

(Trương Sĩ)



binh gia đều nghe Chơn-ngôn mà không chịu về. Thì vua Đâu-đồ-ra lấy làm phiền náo, vua bèn đòi quan Tâm-phúc đến là ông Kaloudari. Vẫn ông Kaloudari này sanh trưởng một thời với Thái-tử Sĩ-đạt-tha. Cả hai thuở ấu-xung hằng tương thân tương ái. Vua phán cũng ông Kaloudari rằng: « Con hãy qua đó mà rước Bụt Cù-đàm về đây, Trẫm còn có một mình con là kẻ tin cậy mà thôi. »

Khi Kaloudari qua đến đó nghe lời Bụt truyền giáo, bèn giải binh-giáp, mặc áo ca-sa và choàn giấy tràng-hạt mà tu theo các sứ kia.

Tuy vậy mà không quên lệnh vua sai. Nên khi đến ở đó được 7 ngày rồi ông bèn đến gần Bụt-Như-Lai lạy tạ theo phép đoạn nói rằng: « Muôn lạy ngàn lạy Bụt-Như-Lai, nay mùa mưa đã mãn, giờ thượng trình đã đến rồi.

Nay cây cỏ đang trở sanh hoa quả dọc theo đường, sen trắng, sen xanh đang đua nở trên mặt hồ.

Kìa các loài phi-cầm đang lẳng lẳng liểu liểu, chuyền qua bay lại mà lo làm ở.

Giờ thượng-trình viên vọng đã đến rồi, tại xứ Ca-duy-la-việt vua Đâu-đồ-ra đang phiền muộn, ước mơ cho đặng thấy mặt Ngài trở về cố-lý. »

Bụt-Như-Lai nghe vậy bèn nhậm lời. Ngài liền nhứt định chọn một muôn đạo-nhơn xứ Magadha và một muôn đạo-nhơn ở xứ Ca-duy-la-việt là sứ và binh của vua cha đã sai qua đó mà họ theo tu không chịu về, cả thấy hai muôn đạo nhơn theo hầu Ngài mà hồi cố-lý.

Đường đi từ đó qua cho đến Ca-duy-la-việt-quốc là 600 dặm ; Ngài định đi 60 ngày cho đến nơi.

Qua ngày khỉ sự thượng-trình có trăng thì do theo đường hướng tây mà trực chỉ.

Ông Kaloudari tức tốc về xứ cho vua Đầu-đờ-ra hay rằng Thái-tử Sĩ-đạt-tha nay đã thành Bụt chí-tôn, đã khẩn chịu hồi cố-lý mà thăm cha già.

Nhờ phép của Bụt nên ông Kaloudari chẳng vân không đầy một phút đã đến Ca-duy-la-việt-quốc rồi mà truyền tin lành.

Vua Đầu-đờ-ra khóc mừng, bèn dạy dọn yến mà đãi tới trung là ông Kaloudari. Khi dự yến rồi, ông bèn bỏ cơm và đồ ăn vào đũa, đoạn chẳng vân mà trở lại dựng cơm cho Bụt. Mỗi ngày ông Kaloudari cứ việc bay qua bay lại đem cơm nước sấm tại xứ Ca-duy-la-việt mà dựng cho Bụt đến lúc dùng chơn lại nghỉ mà dùng.

Còn tại thành Ca-duy-la-việt thì thiên hạ đang sấm sanh lễ vật sửa soạn các cuộc huy hoàng đặng nghinh tiếp Bụt Như-Lai cho xứng đáng.

Họ ra ngoài thành lựa một chòm cây sum sê, dọn quét sạch sẽ đặng cho Bụt-Như-Lai và các sãi tạm nghỉ tại đó.

Khi hay Ngài đi gần tới thành thì thiên hạ chạy ra ngoài thành mà nghinh tiếp, con nít đi đầu ôm bông mà rải cùng đường.

Song các ông hoàng thấy Thái-tử Sĩ-đạt-tha được danh dự hiển vang dường ấy thì sanh lòng tậ đố bèn nghỉ rằng : « Vân va là cháu ta, ta há đi phải cung kính va sao ?

Song le Bụt-Như-Lai đã rõ-thấu lòng người, mạc hiện hồ ẩn, mạc hiện hồ vi, bèn phi đặng lên mây cho mưa tuôn xuống làm cho thiên hạ và bông huê ướt đầm. Các ông hoàng cùng là dân thứ liền quì gối xuống, còn vua Đầu-đờ-ra lay con mà nói rằng : « *Khi mới sanh con ra thì cha đã một phen cúi đầu trước mặt con, đến sau vì có diễm tiền đình cha lại lay con trong lúc ăn lễ thân-canh tịch-diễn. Nay con đã tốt chỗ lành rồi thì cha tuy đầu râu bạc trắng cũng cúi đầu lay con lần nữa* ».

Đó Bụt-Như-Lai đã hồi cố lý, dùng chơn trước cửa thành trong vườn Nigraudatha mà nghỉ ngơi.

Sáng ra ngài dẫn hai vạn đạo-nhơn theo hầu ngài mà đi phở-quyến đặng ăn mỗi ngày. Khi dân thấy ngài sao hạ mình đi xin ăn vậy thì lấy làm lạ mà nói rằng: « Có lẽ nào kỳ vậy, Thái-tử Rahula là con ngài, bà Công-chúa Yasodhara (Ra-ru-đà-la) đi loan xa phụng tán, còn ngài sao lại phải mặc áo vàng đến từ nhà mà hành khắc từ bữa vậy ».

Khi vua cha Đâu-đồ-ra hay được việc ấy bèn đến mà la dút con thì Bụt-Như-Lai trả lời rằng: « Dạ, thưa phụ-vương, phụ-vương phán rằng vẫn tôi là hành vàng lá ngọc, không lẽ đi hành khắc như rùa sao cho xứng đáng con vua. Thưa phụ-vương nay con đã thuộc về đám trọn lành không còn dính dấp sự sang trọng thế gian nữa rồi, nên con phải hành khắc như đồ-dê con vậy ».

Vua Đâu-đồ-ra khi nghe Bụt-Như-Lai các nghĩa như thế thì hiểu là bòn tánh của con đã tột bực rồi.

Thái-tử Sĩ-đặt-tha nay đã thành Bụt, bèn về đền củ. Bà Công-chúa Ra-ru-đà-la đang đợi ngài trong cung.

Khi Bụt-Như-Lai vào nội cung thì Bà Công-chúa Ra-ru-đà-la mọp xuống ôm chơn ngài kê đầu và chơn, thì vua cha Đâu-đồ-ra thuật lại cho ngài hay rằng trong lúc ngài vẫn mặt hèn lâu, dầu ở nhà trực tiết rất nên hiếu hạnh và giữ nghĩa cùng chồng trọn đạo.

Khi nghe tin ngài đã qui tăng thì bà Công-chúa sắm áo vàng một màu với áo tăng mà mặc. Khi nghe Ngài mỗi ngày dùng có một bữa cơm thì bà Công-chúa cũng làm theo như vậy.

Từ ngày Ngài bỏ đèn mà đi thì bà Công-chúa bỏ giường ngà chiếu ngọc cứ nằm giường bậy bạ nghèo nàn đặng mà hãm mình noi gương chồng, bỏ hết các hương vị khi trước ra dùng và thân thể không hề trau tria như trước nữa.

Bụt-Như-Lai nghe nói vậy liền đáp rằng; « *Làm như vậy mới là phải đạo, sau chắc đặng công quả to.* »

Bà Công-chùa cứ một lòng muốn theo chồng mà tu niệm đặng đến nơi tốt lành.

Cũng trong lúc ấy em Bụt là Ông hoàng Nanda đặng tôn lên làm Thái-tử Đông-Cung. Song Bụt dạy em phải từ chức mặc áo vàng theo anh mà tu niệm thì em cũng vâng lời, dầu vợ mới gá tiếng khóc than năn nỉ thế mấy, đứng gần cửa sổ dòm theo dận Thái-tử sao sao cũng trở về mặc lòng. Thái-tử cứ việc đi mà thôi.

Bởi đó con Bụt là Rahula được phong lên chức Đông-cung, bà Ra-ru-đà-la bèn sai con đến lay cha mà lánh gia tài.

Bụt bèn dạy rằng : « Thái-tử là con ta rất yếu đuối, nay đến xin ta của cải thế gian là đồ hữu hình tắc hữu hoại, ta vẫn muốn cho nó của cải chẳng hề hư mất. Ngài nói rồi bèn dạy Đờ-đệ Maukalan lấy dao cạo đầu Thái-tử và cho mặc áo vàng, choàn giấy trường-hạt.

Ngài đã làm như vậy là có ý dạy hễ ai muốn vào niết bàn thành bụt thì phải qui tăng thì có thể dễ hơn là làm vua chúa ở đời. Ngài bèn ghi vào Bụt-Pháp rằng: tự tư dĩ hậu, ai muốn tu trì trước phải xin phép cha mẹ mới được. Vua Đâu-đồ-ra không ai kể trị mà khi thấy vậy bèn mừng.

Khi Bụt-Như-Lai ở tại Ca-duy-la-việt-quốc được ít lâu làm nhiều phép lạ, như dân rất kính phục, hằng lo cho Bụt-Pháp thanh hành, dụ dỗ thân quyến vào Chơn-đạo. đoạn Ngài từ biệt quê hương, bỏ núi Ca-duy-la-việt-quốc mà xuống đồng trắng sông Gange, đến đâu đều dạy thiên hạ phép mới, lần lần Ngài sang qua các xứ hướng nam và xứ Rajagriha.

CÔNG VIỆC CỦA BỤT NHƯ-LAI MỖI BỮA

Từ ngày Bụt-Như-Lai ở dưới gốc cây Bồ-đề đã dặng trợn công-quả và tột chỗ lành, hoàn toàn cách-vật trí tri rồi, thì Ngài bèn khải sự truyền Chơn Pháp cho loài người và thánh-thần cho đến giờ chót trong kiếp đầu thai luân hồi sau hết thì Ngài phải giải thi mà vào niết-bàn thành-Bụt, thi đã được 45 mùa bông rồi kể đến lúc vì trời nắng hạn trong mùa thu làm cho bờ sông Gange phải bị thảm.

Nghĩa là trợn 45 năm Ngài chẳng hề xao lãng ngày giờ thi tiết, vì lòng từ bi thương người mà phân có chừng đôi thứ lớp.

Mỗi năm khi đến tháng juin cả mây đã ngưng tụ trên trời trong mùa hạ, liền rả ra mưa xối xuống như máng, như cầm tinh mà đổ, cả xứ tràn trề đầu đó cũng là nước cả. Các đường mòn thành nầy qua thành kia đều lở sụp ráo rất hiểm nghèo cho kẻ đi đường. Đông gió âm âm sấm sét tuôn xuống làm cho cây cối phải sập, các trạm cất dọc theo đường bằng lá cho bồng đảo ở chực Bụt-Như-Lai đi ngang qua đó cũng đều ngã sập ráo. Ngoài đường vắng teo không có ai đi một người.

Trong ba tháng như vậy thì Bụt-Như-Lai không đi đâu được, chớ thường Ngài ưa đi chỗ nầy qua chỗ kia dặng mà truyền giáo cho dân chúng. Nên khi mùa mưa đông đã khải sự thì Ngài bèn vào chùa mà nghỉ, khi thì ở chùa trong rừng Migadowon gần cửa thành Baranathi, lúc lại vào chùa gần thành Rajagriha là kinh-đô xứ Magadha là chỗ Ngài rất triệu mộ, duy tại đó có môn-đệ đã cất cho Ngài một cảnh chùa trên nong gần cửa thành, đặt tên là

chùa Welouwon. Có các đồ-đệ tinh-tuyền theo Ngài vào chùa ấy mà ở.

Trong cơn nghỉ tại chùa ấy công việc mỗi ngày ra thế nào xin kể ra sau đây.

Trời vừa rạng đông thì Bụt-Như-Lai thức dậy, thường Ngài ngủ trên một cái giường nghèo khổ, mỗi đêm nghỉ vài giờ mà thôi.

Thức dậy rồi Ngài bèn sút miệng và thay đổi áo xiêm, đoạn Ngài vào nơi thanh vắng mà tưởng gẫm, chiêm nghiệm cuộc đời, thế tinh thiên hạ. Văn trí Ngài rất thông sự thể thấu đáo lòng người, nên Ngài ngồi mà chiêm nghiệm, ai có công quả cùng không Ngài đều biết được. Nghỉ một chút thì đã hiểu ai đáng cho Ngài truyền giáo, ai không đáng cho Ngài dạy đạo.

Khi xem xét hết các điều Ngài bèn : mình choàn giầy tràng-hạt, vai mang bình-bát đi xin cơm. Lúc ra khỏi chùa Ngài trực chỉ đến thành gần đó, lựa xóm nào đất-đạo Ngài bèn đến đó. Khi thì có đồ-đệ đi theo, thì dọc đường Ngài dạy dỗ các điều và làm phép lạ cho họ bèn lòng tin giữ. Lúc lại đi một mình do theo đường bị mưa mà hư lở. Khi nào Ngài đi hành-khắc một mình làm vậy thì trên không trung có tiếng tiêu-thiền trôi nhiếp, nghe rất thanh thoai khác tiếng đờn phàm, thiên hạ rất hân hoan mọp sát đất mà lạy chào Ngài.

Khi hành-khắc rồi Ngài trở về chùa, rửa chơn hóng mát thì các đồ-đệ áp vây chung quanh mà nghe giảng dạy.

Ngài bèn than cùng đồ-đệ rằng: « Ở đồ-đệ ôi! Phải giữ lòng, giữ trí, bởi vì loài dị thú thì khó mà trở nên loài thường thú, mà thường-thú lại khó trở nên loài người hơn nữa. Còn đường vào Niết-bàn-thành Bụt rất gay trở cho loài người lắm, các đồ-đệ ôi!

Đoạn Ngài lựa trong các đều cách vật trí tri mà giảng dạy đồ-đệ. Hễ nghe giảng rồi thì đồ-đệ phân ra kẻ lo việc này, người lo việc khác, kẻ thì ra ngồi dưới tàng cây to, người lên vào hang núi mà suy nghĩ các lời Bụt-Như-Lai mới dạy đó.

Còn Ngài khi công việc ban mai đã làm rồi thì Ngài lo cơm nước.

Đến đúng Ngọ từ hướng thiên hạ muôn vạn đi theo đường mòn tề tựu đến chùa mà nghe Bụt giảng lễ đạo. Bất câu là người xứ nào, bực nào, dầu sang, hèn giàu khó Ngài đều vui lòng giảng dạy; mỗi ngày Ngài dạy đạo một giờ đồng hồ, rồi thì ai về nhà nấy.

Đoạn Ngài lo tắm rửa theo phép. Kế đó Ngài nhóm đồ-đệ lại mà dạy nữa cho đến tắc quang mới thôi.

Tối lại thì các thần thánh ở trời xuống đảo vẫn trên nóc chùa rồi đáp xuống qui lạy Bụt-Như-Lai mà nghe Ngài giảng dạy đặng mở thêm rộng trí khôn làm cho bền lòng đạo đức. Ngài dạy đến hết canh ba rồi Ngài vào liêu mà an nghỉ ít giờ.

Qua đầu mùa thu các sãi trong chùa hối hả lo sắm sanh đồ hành trình đặng có theo Ngài mà đi giảng đạo các nơi.

Thiên hạ khi hay Ngài sẽ đi hướng nào thì đồn chuyền lẫn nhau làng này qua làng kia, nội cả miền sông Gange đều hay biết cả. Dân chúng đều nhóm nhau lại mà tu kiêu bồi lộ cho Ngài đi hoặc dọn dẹp cây cối, ban bằng gò gốc. Dân hướng bắc khi nghe Ngài mùa này sẽ đi giảng đạo từ thành Rajagriha cho đến thành Saranathi đều đóng cửa bỏ nhà áp đến thành thị mà nghe giảng cho đến cùng.

Cơn rừa chừ mùa thu đã đến, các thú yết trùng bỏ đường mòn mà vào rừng bụi, thì Bụt-Như-Lai với đồ-đệ mới dám thượng trình, vì sợ đi sớm mà đạp nhầm chúng.

nó chết oan mạng mà phải mang tội sát sanh. Đi theo đường rừng từ Bắc chí Nam, từ Đông chí Tây. Khi Ngài ra đi thiên hạ theo hầu rất đông đảo, chớ khi ở tại chùa thì có vài trăm đồ-đệ nay cũng theo Ngài mà đi.

Đi đến làng nào Ngài cũng ghé lại mà giảng dạy, thì thiên hạ lại càng theo thêm đông hơn nữa, đi dài theo sau chẳng hề dứt mà tâng tụng sự vang hiển của Bụt-Như-Lai.

Dọc theo đường có nhiều người như đức thành tin cất chùa từ chặn đặng đến đâu lở tối cho có chỗ cho Bụt nghỉ ngơi, hoặc có khi Ngài nghỉ an dưới cội xoài trăn trề hoa quả.

Bởi có nhiều khi Ngài chẳng sợ mệt mỏi phải trở đi trở lại các làng quen mà dạy đạo, nên Ngài đã thông thuộc các đường trong cả xứ từ thành Rajagriha qua đến Baranathi, từ thành Wettalie qua đến thành Tawattie.

Trọn nửa đời mà thiên hạ không nhàm, mỗi lần nghe Bụt đến giảng dạy thì ai cũng vui lòng nghinh tiếp rồi theo mà nghe truyền Chơn-ngôn. Tuy Bụt mặt áo bần hàn mặc lòng mà cả mình thiết là tiên phong đạo cốt, đầy đầy quang minh chiếu diệu. Tuy là Bụt Cù-đàm ở xứ Ca-duy-la-việt mỗi ngày phải đi xin cơm mà độ nhứt, song sự vinh hiển nào ai bì kịp.



SỰ TÍCH TÊN MAÏTRA-KANYAKA

Trong mùa thu thứ tư, khi Bụt-Như-Lai ở thành Rajagriha đi qua chùa Dzetawon của tên Thawattie là người buôn bán giàu có khi theo đạo rồi bèn cất mà dâng cho Ngài thì dọc đường cách thành Rajagriha ngài và đồ-đệ dừng chơn lại mà nghỉ đêm dưới gội xoài,

Chỗ ấy là một cảnh rất xinh đẹp và phú túc hơn các cảnh trong miền Trung-châu. Lúc Ngài vừa ngồi lên đồng lá thì có hơn hai ngàn người ở các làng kế cận chạy đến mà xin ngài giảng đạo.

Khi ngài xem kỹ từ người rồi thì ngài nói rằng: « *Chúng người lòng muốn theo đạo đặng tu-thân thì chúng người hãy nghe sự tích của tên Maïtra-Kanyaka sau này:* »

Thuở đời thượng-cổ tại thành Baranathi có một tên buôn bán kia chuyên nghề buôn biển lời đặng của cải rất nhiều.

Của cải tràn trề vô số mà số phần không yên, trong lòng buồn bực vì vợ không có con.

Đã nhiều năm qui mòn gối mà cầu khẩn bụt-thần Ấn-độ, cầu thần rừn g, thần vương, thần thành, thần ruộng. May đâu ngày kia đắc kỳ sở nguyện, vợ va trở sanh được một con trai rất lịch hơn hết các trai nhà buôn, va bèn đặt tên cho nó là Maïtra-Kanyaka. Song le tên lái buôn biển này muốn cho con phú hữu tứ hải, tuy đã giàu bực ấy mà cứ việc đi buôn, rủi ngày kia bị tàu chiêm mà bỏ mạng.

Vợ goá chồng lo việc nuôi con mà giấu không cho nó biết cái nghề buôn biển của cha nó đó, vì sợ e nó phụ nghiệp tử năng thừa chãng.

Khi con lớn khôn thì mẹ dạy nhiều nghề, con chịu lòng mẹ mà học. Làm nghề thứ nhất được 4 túi bạc, con đem về giao cho mẹ. Làm nghề thứ nhì được 8 túi bạc, nghề thứ ba được 16 túi, nghề thứ tư được 32 túi cũng đều đem về dâng cho mẹ ráo mà đền ơn cúc dục sanh thành.

Song ngày kia con nghe thiên hạ thuật lại nghề của cha khi trước, thì không có chi căng nổi, lòng con quyết chuyên một nghề buôn biển như cha thuở xưa vậy. Mẹ khóc lóc than vng ôm chéo áo mà năn nỉ, con đã không kể lời mẹ mà lại lấy chơn hất mẹ mà đi.

Ngày kia xuống tàu đi ra các xứ cù-lao, bị giao-long đón đàng, làm sóng gió nhận tàu và chiêm ngấm. Maïtra-Kanya-kà ôm được một tấm ván mà thả trôi theo lượn sóng.

Hèn lâu trôi nổi như vậy, may đâu ngày kia gió tấp vào một cái cù-lao, thì có bốn nàng nữ-tiên tuyệt sắc đến nghinh tiếp đem về ở đài hoa rục rỡ nguy nga có đủ thứ vui chơi toại chí, và ở đó được 4 năm.

Song lâu ngày va dà nhàm lòn, bèn xuống tàu đi qua hướng nam. Đi hèn lâu mới tới Cù-lao kia gặp 16 nàng Mĩ-tiên lại càng lịch hơn nữa, rước va về ở trong ngọc-lầu đã được 8 năm.

Song rồi cũng nhàm lòn nữa va bèn xuống tàu đi tuốc hướng nam, gặp một cái thành lửa, chung quanh có ba vọng tường, ấy là Địa-ngục.

Như vậy mà va dám đi vào giữa thành lửa ấy. Ban đầu va thấy nhiều đều quái lạ như sau đây : gần bên va thấy có một người đang cạp trụ sắt nướng lửa đỏ làm cho thịt da nó bị cháy khét nghệt, máu mủ chảy ra hôi hám thúï tha, nó la khóc than xiết chẳng khi ngừng rằng : « *tôi có tội, và đã ăn cắp áo đạo-nhơn nên Bụt-pháp phạt tôi.* »

Cách xa một chút thấy có hai người đờn-bà thân thể lờ

lời, con mắt lờ lờ, bụng đói xanh xương, ôm đầu gối mà cắn. Chúng nó bị khổ hình dường ấy là vì tội khi sanh tiền trên dương gian ăn ở gặt gao, ăn mày đến xin cơm thừa cá cặn cũng không chịu cho.

Maitra-Kanyaka đi tới nữa thì thấy có một người bị trói vào cọc, có một con kên kên to cứ lấy mỏ mà mổ gan nó, và la rằng : « Tao móc gan mày hoài, vì tội mày hồi sanh tiền có lấy em dâu, chị dâu.

Maitra-Kanyaka lại có thấy một con dị-thú bụng rất to mà miệng nhỏ như lỗ tròn kim, vì khi sanh tiền nó a hành ác nghiệp, ăn ở bỗn sèn, khi trá dữ tợn với mọi người.

Sau rốt khi đi đến giữa thành thì va có gặp một người cao lớn, trên đầu có mang một cái niền sắt đốt lửa đến đỏ trắng xát, thì va hỏi rằng : « Mày là ai vậy ? »

Tên cao lớn ấy trả lời rằng : *Tôi là một đứa bất hiếu, suốt sanh tiền làm cho mẹ tôi phải khóc lóc.* »

Maitre-Kanyaka nghe nói vậy bèn rung sợ mà nói rằng : *« Tôi đây cũng là con bất hiếu, tôi đã làm cho mẹ tôi phải buồn rầu khóc lóc »*

Va vừa khai tội bất hiếu ra thì hư không có một tiếng nói như vậy : *« Ai đã lỗi lầm mà nay đã ăn nan thống hối tiền khiên thì đừng khỏi, còn như đứa xấu mà đang thông dong thì phải chịu khổ sở mà đền tội. »*

Tiếng ấy vừa dứt thì cái niền sắt ở đầu người cao lớn liền bay qua tròn vào đầu Maitra-Kanyaka. Tuy đau đớn quá chừng, mà va cứ làm thinh không than vang một lời. Da đầu nứt nở, con mắt ra máu, miệng sôi đờm, mà va cứ nín thinh chịu vậy.

Va lại nói rằng : *« Nếu phải mang niền sắt này trọn đời tôi cũng không dám phàn nàn dặng mà đền tội cho kẻ đã phạm đồng tội như tôi vậy. »*

Khi va vừa nói lời ấy thì niền sắc liền bay bổng lên không-trung cao hơn cây Tala bảy lần, thì Maitra-Kanyaka tắt hơi hồn bay về cõi thọ ở chen lộn với các tiên.»

Bụt-Như-Lai thuật truyện ấy rồi, liền kêu các người đến nghe mà nói rằng: *Ó bốn đạo yêu dấu ôi! tên Maitra-Kanyaka ấy là ta đây: Bởi vì những bạc tiền ta làm được bao nhiêu ta đã giao lai cho mẹ ta. Ta đã được toại chí tại các cu-lao hướng Nam, mà ta đã có bị mang niền sắt cháy, vì ta khi trước đã làm cho mẹ ta buồn rầu khóc lóc.*

Nói bấy nhiêu lời rồi Bụt-Như-Lai liền đứng dậy, thì cả đám đều qui lạy Ngài.





VUA ĐÀU-ĐỜ-RA THĂNG HÀ

Từ ngày But-Như-Lai đã đắc đạo mà đi giảng dạy các nơi đến đây đã được 5 năm. Con nọ nhằm trong tuần tháng sáu, gặp lúc mưa dầm sông suối đều ngập cả, nên But-Như-Lai và các sãi bèn vào chùa Gautha Gayathala gần thành Wethalie mà nghỉ mệt.

Buổi sớm kia Ngài đang chiêm nghiệm việc đời xem xét việc nhơn-gian thì Ngài thấy tại xứ Ca-duy-la-việt vua cha là Đầu-đờ-ra gần thăng hà. Vua cha khi ấy đã được 97 tuổi, hằng giữ các điều-Chơn-Pháp của con truyền một cách rất nghiêm nhặt.

Vua Đầu-đờ-ra cũng hằng ước ao nghe lời But-Như-Lai giảng Chơn Pháp, cùng ở gần cho phỉ tình phụ tử trong lúc lâm chung, vì vua cha rất thương mến Thái-tử Sĩ-đạt-tha lắm.

But-Như-Lai hiểu lòng cha ước ao như vậy bèn nhậm lời. Nhưng lúc đó đường sá gay go nên Ngài toan làm phép lạ. Ngài bèn chọn lựa đồ-đệ một vài người rồi cùng nhau bay bổng lên không-trung, xông mây lướt gió như nhóp nhảnh mà hồi cố-ly. Thừa lúc trời tối Ngài bèn cỡi con ngựa Kantaka hạ xuống giữa sân đền, mấy người theo Ngài mà dâng vâng giá võ ấy là em ruột Ngài tên Nanda, con của Bà Patzapati là kế mẫu, khi mẹ ruột Ngài là Bà Maya Tịnh-Diệu đã qua đời, bà kế-mẫu này là vợ thứ hai vua Đầu-đờ-ra có nuôi dưỡng Ngài; khi ấy cũng có Ananda (Át-năm-đa) là anh em cô cậu theo đó và hai đồ-đệ trung tín là Tharipoutra và Maukalan.

Vua Đầu-đờ-ra khi ấy đau nhức tứ chi nằm trong giường.

But-như-Lai bước lại gần lấy tay đỡ trên trán mà nói

rằng : « Nhơn công-quả của ta đã làm trong nhiều kiếp luân hồi, nhơn việc tu niệm đăc đạo của ta dưới gốc Bồ-đề, ta khiến cho cái đầu này hết cuộc đau thương.

Bụt-Như-Lai nói vừa dứt lời thì đầu vua cha thông thả hết sự đau thương.

Nanda lại gần nắm tay cha già mà nói rằng : « Nhơn công con tu luyện bấy lâu dưới chơn Bụt-Như-Lai, nên khiến cho tay này hết nhức. »

Thầy sãi Tharipoutra tụng kinh rằng : « tôi ước cho chơn này hết nhức.

Thầy sãi Maukalan cũng nói : « tôi cầu cho thân thể này tị trần êm ái. »

Vua Đầu-đồ-ra hết đau hết nhức, lần lần mà lâm chung vào đàng Di-lộ. Đến 7 bữa sau nhắm rạng đông ngày rằm tháng tám Vua Đầu-đồ-ra băng.

Bụt-Như-Lai muốn làm gương cho thiên hạ phải biết tôn trọng người đã chết rồi, Ngài cùng Đồ đệ tắm rửa và dùng mùi thơm mà tẩm xác vua cha, đại liệt vào hòm qui, cùng di linh cữu đi ngan thành ra đến nhà thiêu có các quan và các vua lân bang là vua Thekkara, vua Tou-pawa cùng vua Weritzara đều đến diếu tang và đưa đón.

Bụt-Như-Lai dạy đem xác vua cha lên giàng hỏa, rồi hai tay cầm lửa châm vào. Khi thiêu xác các việc an bài, Bụt-Như-Lai bèn trở lại thành Wethalie mà an nghỉ tại chùa Gouthagaliathala.

QUYỀN THỨ BA CHUNG

(Xin coi qua quyền thứ tư trọn bộ)



*Justifié conforme au tirage d'ouvrage
: mille vingt exemplaires /
Saigon le 18 Mars 1914*

